

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 213/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 07 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc kéo dài thời gian bố trí vốn, kéo dài thời gian thực hiện và
giải ngân kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương
năm 2022 sang năm 2023**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI HAI (CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ
về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính
phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ
về quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng
Nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách địa phương
và thông qua phương án phân bổ vốn năm 2022 nguồn ngân sách trung ương;*

*Căn cứ Nghị quyết số 111/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng
Nhân dân tỉnh về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn
ngân sách địa phương;*

*Căn cứ Nghị quyết số 128/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng
Nhân dân tỉnh về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn
ngân sách địa phương;*

*Căn cứ Nghị quyết số 161/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng
Nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách
địa phương của tỉnh Gia Lai;*

*Căn cứ Nghị quyết số 172/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội
đồng Nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn ngân
sách địa phương của tỉnh Gia Lai;*

*Xem xét Tờ trình số 589/TTr-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc kéo dài thời gian bố trí vốn, kéo dài thời gian thực hiện và giải
ngân kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2022 sang năm 2023;
Báo cáo thẩm tra số 249/BC-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Ban Kinh tế -*

Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất kéo dài thời gian bố trí vốn, kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2022 sang năm 2023, cụ thể như sau:

1. Danh mục các dự án được kéo dài thời gian bố trí vốn nguồn ngân sách địa phương sang năm 2023 *(kèm theo biểu số 01)*.

2. Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2022 sang năm 2023.

2.1. Vốn ngân sách tỉnh đầu tư.

Tổng vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023 là: 95.319,380 triệu đồng với 20 dự án, 02 nhiệm vụ quy hoạch và đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia Nông thôn mới.

2.2. Vốn ngân sách tỉnh phân cấp huyện, thị xã, thành phố đầu tư.

Tổng vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023 là: 92.243,012 triệu đồng với 20 dự án và 07 nhiệm vụ quy hoạch.

2.3. Vốn ngân sách cấp huyện, xã đầu tư.

Tổng vốn năm 2022 xin kéo dài sang năm 2023 là: 21.611,824 triệu đồng với 17 dự án; 02 nhiệm vụ quy hoạch; đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Nông thôn mới.

(Kèm theo biểu số 02).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này, đồng thời điều chỉnh thời gian thực hiện đối với những dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư có thời gian hoàn thành năm 2022.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, Kỳ họp thứ Mười hai (chuyên đề) thông qua ngày 07 tháng 4 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. *W*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; NN và PTNT; Lao động, Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai, Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT - VP..

CHỦ TỊCH



Hồ Văn Niên



DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG Kéo dài thời gian bố trí vốn sang năm 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 213 /NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô, năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Tổng vốn cần bố trí để hoàn thành dự án	Lấy kế đã bố trí vốn đến 31/12/2021	Kế hoạch vốn năm 2022 (1)	Khối lượng thực hiện từ 01/01/2022 đến 31/12/2022	Giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023 (2)	Vốn năm 2022 xin kéo dài sang năm 2023 tiếp tục thực hiện - (1) - (2)	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT								
	TỔNG SỐ					311.327,253	141.436,108	68.716,000	70.721,235	58.467,756	29.597,085	40.082,081		
A	Vốn ngân sách tỉnh đầu tư					289.067,908	126.010,193	67.696,000	58.305,000	49.354,399	21.955,530	35.307,401		
I	Vốn cân đối ngân sách tỉnh đầu tư					289.067,908	126.010,193	67.696,000	58.305,000	49.354,399	21.955,530	35.307,401		
1	Đầu tư trang thiết bị do lường, thử nghiệm trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng	Pleiku	Nhà đo lường thí nghiệm DTXD 181,4m ² ; nhà đất bình chuẩn hàng 1 DTXD 78,9m ² ; nhà xe ô tô, kho đặt quá chuẩn DTXD 120m ² ; hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục phụ	2021-2022	301/NQ-HĐND ngày 25/02/2021; 495/QĐ-UBND ngày 29/5/2021; 1087/QĐ-UBND ngày 07/12/2021	20.000,000	20.000,000	5.000,000	15.000,000	9.358,801	9.358,801	5.641,199	Sở Khoa học và Công nghệ	- Trong quá trình giải phóng mặt bằng gặp một số vướng mắc liên quan đến sự chống lấn đất với đất của người dân, dẫn đến tiến độ thu hồi, giao đất bị chậm trễ tổ chức giao mặt bằng cho nhà thầu thực hiện gói thầu xây lắp (Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 01/10/2022 của UBND tỉnh). - Một số máy móc thiết bị của dự án là thiết bị chuyên dụng, không có sẵn trên thị trường, phải đặt hàng sản xuất và phải nhập khẩu từ nước ngoài và đặc biệt chịu ảnh hưởng không nhỏ bởi việc sản xuất, vận chuyển chịu ảnh hưởng bởi vấn đề xung đột quân sự tại các nước Châu Âu (một số thiết bị được nhập khẩu từ Nga, Belarus,...). Vì vậy, hết năm 2022 một số máy móc thiết bị vẫn chưa kịp nhập khẩu về nước (còn 04 thiết bị chưa kịp nhập khẩu về Việt Nam).
2	Lập quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, tỉnh Gia Lai đến năm 2045	Đức Cơ		2022	479/QĐ-UBND ngày 04/8/2021	4.958,000	4.958,000		4.958,000	3.590,667	3.590,667	1.367,333	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai	Dự án theo quy định phải được Thủ tướng chính phủ phê duyệt vì vậy trong quá trình thực hiện cần có thời gian nghiên cứu và lấy ý kiến của các sở, ngành trong tỉnh và địa phương, đơn vị có diện tích đất nằm trong phạm vi quy hoạch nên việc triển khai hoàn thành cần có thời gian.
3	Lập quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến 2050	Tỉnh Gia Lai		2020-2022	1015/QĐ-TTg ngày 14/7/2020; 1148/QĐ-UBND ngày 08/12/2020; 244/QĐ-UBND ngày 11/05/2022	71.257,908	57.792,193	29.860,000	27.923,000	27.923,000	524,130	27.398,869	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thời gian lấy ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND cấp tỉnh các địa phương trong vùng và liên kết kéo dài gần 2,5 tháng, chậm so với quy định là 1,5 tháng theo quy định thời hạn lấy ý kiến 30 ngày; Dự án quy hoạch tỉnh được thực hiện trong năm 2023 là căn cứ vào: (1) Nghị quyết 152/NQ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ về ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển KTXH và đảm bảo quốc phòng an ninh vùng Tây Nguyên đến 2030, tầm nhìn đến năm 2045; (2) Văn bản 245/VPCP-QHĐP của Văn phòng Chính phủ ngày 13/01/2023 về trình phê duyệt quy hoạch cấp tỉnh. (Dự án chỉ được thực hiện và giải ngân số vốn được phép kéo dài sau khi được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian bố trí vốn sang năm 2023)



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô, năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Tổng vốn cần bố trí để hoàn thành dự án	Lấy kế đã bố trí vốn đến 31/12/2021	Kế hoạch vốn năm 2022 (1)	Khối lượng thực hiện từ 01/01/2022 đến 31/12/2022	Giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023 (2)	Vốn năm 2022 xin kéo dài sang năm 2023 tiếp tục thực hiện = (1) - (2)	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT								
4	Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững VaSAT tỉnh Gia Lai	Huyện Chư Prang, Đak Đoa, Ia Grai, Đăk Cờ, Chư Păh, Mang Yang	Hợp phần C, D	2015-2022	1992/QĐ-BNN-HTQT ngày 29/5/15 và Quyết định điều chỉnh, bổ sung số 2470/QĐ-BNN-HTQT ngày 30/6/2022	192.852,000	43.260,000	32.836,000	10.424,000	8.481,931	8.481,931	900,000	Sở Nông nghiệp và PTNT	Dự án đã kết thúc đầu tư, dự vốn 1.942 triệu đồng; và để xuất kéo dài 900 triệu đồng để phục vụ cho công tác quyết toán dự án hoàn thành theo văn bản số 2848/BNN-TC ngày 09/5/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT v/v hướng dẫn công tác quyết toán hoàn thành và xử lý tài sản Dự án (Dự án chỉ được thực hiện và giải ngân số vốn được phép kéo dài sau khi được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian bố trí vốn sang năm 2023)
B	Vốn ngân sách tính phân cấp đầu tư					18.265,000	14.372,570	1.020,000	11.362,890	8.864,057	7.392,255	3.970,635		
I	Vốn cân đối theo tiêu chí					8.570,000	8.150,000	1.020,000	6.840,320	3.554,161	3.527,283	2.512,937		
1	Thị xã An Khê					1.900,000	1.900,000	-	810,320	524,732	524,732	285,588		
1.1	Xử lý dứt điểm ô nhiễm tại Bãi rác thị xã An Khê	Xã Song An	Thu hồi, mở rộng thêm 1,1ha khu vực bãi rác; đào chôn lấp rác hiện hữu; xây dựng hệ thống thoát nước; trồng cây tạo cảnh quan	2022	1602/QĐ-UBND ngày 12/7/2022	1.900,000	1.900,000		810,320	524,732	524,732	285,588	Ban quản lý DTXD thị xã	Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng chậm dần tiến độ thi công chậm tiến độ. (Dự án bố trí 2 nguồn)
2	Thị xã Ayun Pa					500,000	500,000	-	500,000	139,800	176,410	323,590		
2.1	Cải tạo Hoa viên của thị xã trước Nhà thờ Giáo xứ Phú Bón	Phường Đoàn Kết	Thiết bị lắp thẻ đục; hệ thống điện chiếu sáng	2022	169/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	500,000	500,000		500,000	139,800	176,410	323,590	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã	Nhà thờ Giáo xứ Phú Bón và giáo dân chưa thống nhất bàn giao mặt bằng để triển khai thi công.
3	Huyện Mang Yang					3.070,000	2.650,000	20,000	2.630,000	2.630,000	2.566,612	63,388		
3.1	Cải tạo, nâng cấp hội trường UBND huyện Mang Yang	TT Kon Dong	Cải tạo, nâng cấp hội trường; cải tạo nhà vệ sinh, khoan giếng, cải tạo công, hàng rào; xây mới 02 nhà chối lợp gác; mở rộng, nâng cấp sân bê tông; cải tạo bồn hoa cây cảnh và các trang thiết bị bên trong.	2022	29A/QĐ-UBND ngày 08/01/2022; 1979/QĐ-UBND ngày 27/9/2022	3.070,000	2.650,000	20,000	2.630,000	2.630,000	2.566,612	63,388	Văn phòng UBND & UBND	Dự án điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sau 30/9/2022 (Dự án được bố trí 3 nguồn vốn)
4	Huyện Phú Thiện					2.400,000	2.400,000	1.000,000	1.400,000	259,629	259,629	1.140,371		
4.1	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu bờ đông sông Ia Sol (Phía bắc Quốc lộ 25)	Thị trấn Phú Thiện	Quy hoạch chi tiết xây dựng (diện tích lập quy hoạch khoảng 67,18ha)	2021-2022	204a/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	1.250,000	1.250,000	500,000	750,000	159,683	159,683	590,317	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Phú Thiện	Theo hợp đồng lập đồ án quy hoạch là 180 ngày (từ ngày 01/10/2021 đến hết ngày 29/3/2022); tuy nhiên, trong quá trình thực hiện lập đồ án đơn vị tư vấn gặp nhiều khó khăn do tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, kéo dài, phải liên tục thực hiện giãn cách xã hội, đồng thời từ đầu năm 2022 đến nay đơn vị lập đồ án quy hoạch phải chỉnh sửa hồ sơ nhiều lần theo ý kiến của Hội đồng thẩm định huyện dẫn đến thời gian thực hiện công việc kéo dài.
4.2	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu bờ đông sông Ia Sol (Phía nam Quốc lộ 25)	Thị trấn Phú Thiện	Quy hoạch chi tiết xây dựng (diện tích lập quy hoạch khoảng 59,17ha)	2021 - 2022	205a/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	1.150,000	1.150,000	500,000	650,000	99,946	99,946	550,054	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Phú Thiện	Theo hợp đồng lập đồ án quy hoạch là 180 ngày (từ ngày 01/10/2021 đến hết ngày 29/3/2022); tuy nhiên, trong quá trình thực hiện lập đồ án đơn vị tư vấn gặp nhiều khó khăn do tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, kéo dài, phải liên tục thực hiện giãn cách xã hội, đồng thời từ đầu năm 2022 đến nay đơn vị lập đồ án quy hoạch phải chỉnh sửa hồ sơ nhiều lần theo ý kiến của Hội đồng thẩm định huyện dẫn đến thời gian thực hiện công việc kéo dài.
5	Huyện Chư Păh					700,000	700,000	-	700,000	-	-	700,000		

28

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô, năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Tổng vốn cần bố trí để hoàn thành dự án	Lấy kế đã bố trí vốn đến 31/12/2021	Kế hoạch vốn năm 2022 (1)	Khối lượng thực hiện từ 01/01/2022 đến 31/12/2022	Giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023 (2)	Vốn năm 2022 xin kéo dài sang năm 2023 tiếp tục thực hiện = (1) - (2)	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT								
5.1	Quy hoạch chi tiết đất dự phòng, công trình công cộng, thương mại, dịch vụ khu vực phía Tây đường Phan Đình Phùng (núi dài), thị trấn Phú Hòa, huyện Chư Păh.	TT Phú Hòa, huyện Chư Păh	Quy mô quy hoạch: 8ha. Tỷ lệ lập 1/500	2022	Số 3266/QĐ-UBND ngày 22/12/2021	700,000	700,000		700,000			700,000	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Thời gian lập dự án cần phải lấy ý kiến của dân, ý kiến nhiều cấp, nhiều ngành nên chậm tiến độ.
II	Tiền sử dụng đất, huyện, thị xã đầu tư					9.695,000	6.222,570	-	5.322,570	5.309,896	3.864,872	1.457,698		
I	Thị xã An Khê					1.900,000	1.900,000	-	1.000,000	987,326	987,326	12,674		
1.1	Xử lý dứt điểm ô nhiễm tại Bãi rác thị xã An Khê	Xã Song An	Thu hồi, mở rộng thêm 1,1ha khu vực bãi rác; đào chôn lấp rác hiện hữu; xây dựng hệ thống thoát nước; trồng cây tạo cảnh quan	2022	1602/QĐ-UBND ngày 12/7/2022	1.900,000	1.900,000		1.000,000	987,326	987,326	12,674	Ban quản lý DTXD thị xã	Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng chậm dẫn đến tiến độ thi công chậm tiến độ. (dự án bố trí 2 nguồn)
2	Thị xã Ayun Pa					4.725,000	4.302,570	-	4.302,570	4.302,570	2.877,546	1.425,024		
2.1	Quy hoạch phân khu xây dựng Khu phía Tây phường Sóng Bờ	Thị xã Ayun Pa	Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000	2022	175/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	1.350,000	1.249,570		1.249,570	1.249,570	827,324	422,246	Phòng Quản lý đô thị thị xã Ayun Pa	Sơ Xây dựng chưa có ý kiến thống nhất nên chưa đủ cơ sở phê duyệt đồ án quy hoạch.
2.2	Quy hoạch phân khu xây dựng Khu dân cư Hòa Bình - Đoàn Kết - Chư Băh	Thị xã Ayun Pa	Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000	2022	176/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	1.740,000	1.574,000		1.574,000	1.574,000	1.076,761	497,239	Phòng Quản lý đô thị thị xã Ayun Pa	Sơ Xây dựng chưa có ý kiến thống nhất nên chưa đủ cơ sở phê duyệt đồ án quy hoạch.
2.3	Quy hoạch phân khu xây dựng Khu dân cư liên phường Hòa Bình - Chư Rơ	Thị xã Ayun Pa	Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000	2022	177/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	1.635,000	1.479,000		1.479,000	1.479,000	973,461	505,539	Phòng Quản lý đô thị thị xã Ayun Pa	Sơ Xây dựng chưa có ý kiến thống nhất nên chưa đủ cơ sở phê duyệt đồ án quy hoạch.
3	Huyện Mang Yang					3.070,000	20,000	-	20,000	20,000	-	20,000		
3.1	Cải tạo, nâng cấp hội trường UBND huyện Mang Yang	TT Kon Dơng	Cải tạo, nâng cấp hội trường; cải tạo nhà vệ sinh, khoan giếng, cải tạo công, hàng rào; xây mới 02 nhà chòi lỵ gác; mở rộng, nâng cấp sân bê tông, cải tạo bồn hoa cây cảnh và các trang thiết bị bên trong.	2022	29A/QĐ-UBND ngày 08/01/2022; 1979/QĐ-UBND ngày 27/9/2022	3.070,000	20,000		20,000	20,000		20,000	Văn phòng HĐND&UBND	Dự án điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sau 30/9/2022. (Dự án được bố trí 3 nguồn vốn)
C	Vấn ngân sách cấp huyện, xã đầu tư					3.994,345	1.053,345	-	1.053,345	249,300	249,300	804,045		
I	Vấn tăng thu kết dư huyện, xã đầu tư (Ghi rõ Quyết định phân bổ vốn cho dự án) và các nguồn vốn khác					3.561,000	620,000	-	620,000	249,300	249,300	370,700		
I	Thành phố Pleiku					220,000	220,000	-	220,000	55,200	55,200	164,800		
1.1	Dự án: mua sắm trang bị cơ sở vật chất nhà làm việc mới xây dựng năm 2022	Xã An Phú	Hệ thống mạng nội bộ; Rèm màn, trang bị công cụ các phòng làm việc và Hội trường.	2022	QĐ số: 159/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	120,000	120,000	-	120,000	55,200	55,200	64,800	UBND xã An Phú	Dự án được bổ sung kế hoạch đầu tư từ nguồn tăng thu vào cuối năm 2022 nên không kịp giải ngân.

28

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô, năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Tổng vốn cần bố trí để hoàn thành dự án	Lấy kế đã bố trí vốn đến 31/12/2021	Kế hoạch vốn năm 2022 (1)	Khối lượng thực hiện từ 01/01/2022 đến 31/12/2022	Giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023 (2)	Vốn năm 2022 xin kéo dài sang năm 2023 tiếp tục thực hiện = (1) - (2)	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT								
1.2	Kinh phí bảo đường, sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng các thôn	Xã Trà Đa	Thay thế bóng đèn Led 30W: 71 bộ	2022	145/QĐ-UBND ngày 1/12/2022	100,000	100,000		100,000			100,000	Ban Quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia xã Trà Đa	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm 2022 nhưng thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ chậm không đảm bảo thời gian thi công và giải ngân trong năm 2022.
2	Thị xã Ayun Pa					3.341,800	400,800	-	400,800	194,100	194,100	205,900		
2.1	Đường giao thông nông thôn Bón Homh	Xã Ia Rbol	Chiều dài L= 173m. Mặt đường BTXM đá 2x4, mức 250; rộng 3m, dày 18 cm; nền đường rộng 4m	2022	59a/QĐ-UBND ngày 19/9/2022	187,400	21,876		21,876			21,876	UBND xã Ia Rbol	Các công trình chưa được triển khai thực hiện; Lí do: UBND tỉnh giao vốn 02 Chương trình MTQG chậm (đến ngày 19/7/2022 UBND tỉnh mới có quyết định giao vốn); thủ tục giao vốn cần phải trình HĐND các cấp thông qua (cấp huyện, cấp xã); trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt dự án cần nhiều thời gian. Mặt khác, ngày 01/11/2022, UBND tỉnh mới ban hành Quyết định số 36/QĐ-UBND quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án đối với dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình MTQG. Đồng thời cuối năm, thời tiết ở thị xã Ayun Pa mưa nhiều nên chủ đầu tư chậm triển khai thi công.
2.2	Đường giao thông nông thôn Bón Rung Ma Đơan	Xã Ia Rbol	Chiều dài L= 429m. Mặt đường BTXM đá 2x4, mức 250; rộng 3m, dày 18 cm; nền đường rộng 4m	2022	59b/QĐ-UBND ngày 19/9/2022	467,150	54,531		54,531			54,531	UBND xã Ia Rbol	
2.3	Nhà văn hóa Bón Rung Ma Nhieu	Xã Ia Rbol	Nhà vệ sinh	2022	59c/QĐ-UBND ngày 19/9/2022	68,107	7,950		7,950			7,950	UBND xã Ia Rbol	
2.4	Nhà văn hóa Bón Rung Ma Rai	Xã Ia Rbol	Nhà vệ sinh	2022	59d/QĐ-UBND ngày 19/9/2022	67,260	7,851		7,851			7,851	UBND xã Ia Rbol	
2.5	Nhà văn hóa Bón Sar	Xã Ia Rbol	Nhà vệ sinh	2022	59e/QĐ-UBND ngày 19/9/2022	66,750	7,792		7,792			7,792	UBND xã Ia Rbol	
2.6	Nhà văn hóa Bón Hoang 2	Xã Ia Sao	Cổng, hàng rào; nhà vệ sinh	2022	156/QĐ-UBND ngày 02/11/2022	672,360	78,467		78,467	49,921	49,921	28,546	UBND xã Ia Sao	
2.7	Nhà văn hóa Bón H' Liếp	Xã Ia Sao	Nhà vệ sinh, sân bê tông	2022	155/QĐ-UBND ngày 02/11/2022	184,306	21,533		21,533	13,708	13,708	7,825	UBND xã Ia Sao	
2.8	Đường giao thông nông thôn Bón Phu Ama Nher I	Xã Ia Rô	Chiều dài L= 340m. Mặt đường BTXM đá 2x4, mức 250; rộng 3m, dày 18 cm; nền đường rộng 4m	2022	139/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	362,620	42,329		42,329	26,934	26,934	15,395	UBND xã Ia Rô	
2.9	Đường giao thông nông thôn Đắc Lập	Xã Ia Rô	Chiều dài L= 334,9m. Mặt đường BTXM đá 2x4, mức 250; rộng 3m, dày 18 cm; nền đường rộng 4m	2022	140/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	350,347	40,896		40,896	26,022	26,022	14,874	UBND xã Ia Rô	
2.10	Nhà văn hóa Bón Phu Ama Nher I	Xã Ia Rô	Nhà vệ sinh	2022	137/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	70,200	8,195		8,195	5,215	5,215	2,980	UBND xã Ia Rô	
2.11	Nhà văn hóa Bón Jé Ma Nai	Xã Ia Rô	Nhà vệ sinh	2022	138/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	73,500	8,580		8,580	5,460	5,460	3,120	UBND xã Ia Rô	
2.12	Trường mẫu giáo Tuổi Thơ	Xã Chư Băh	Nhà bảo vệ; nhà kho; nhà nhân viên; nhà để xe và các hạng mục phụ	2022	33a/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	771,000	100,000		100,000	66,840	66,840	33,160	UBND xã Chư Băh	Một số chi phí chưa kịp thanh toán trong năm (Hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án, quyết toán dự án hoàn thành)
3	Huyện Chư Păh					1.163,000	1.163,000		1.163,000			1.163,000		

28

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô, năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Tổng vốn cần bố trí để hoàn thành dự án	Lũy kế đã bố trí vốn đến 31/12/2021	Kế hoạch vốn năm 2022 (1)	Khối lượng thực hiện từ 01/01/2022 đến 31/12/2022	Giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023 (2)	Vốn năm 2022 xin kéo dài sang năm 2023 tiếp tục thực hiện = (1) - (2)	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT								
3.1	Xây dựng hệ thống quản lý và giám sát camera giao thông huyện Chư Puh	Huyện Chư Puh	Thuê đường truyền internet 3 năm; đầu tư, lắp đặt thiết bị và hệ thống camera giao thông	2022	239/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	1.000,000	1.000,000		1.000,000			1.000,000	Công an huyện Chư Puh	Thời điểm giao vốn muộn ngày 21/12/2022; sau khi cân đối được nguồn tăng thu ngân sách năm 2022 mới cấp cho đơn vị thực hiện tại Quyết định số 121/QĐ-UBND để tránh nợ đọng XDDB; nên sau khi được tỉnh cho phép kéo dài huyện mới thực hiện mở mã dự án và cấp vốn cho đơn vị trên hệ thống tabmis.
3.2	Đường đi vào nghĩa trang nhân dân xã Ia Rong (đoạn nối tiếp)	Xã Ia Rong	Đường cấp IV, bề rộng nền đường Bn=5m, bề rộng mặt đường Bm= 3m	2022	194/QĐ-UBND ngày 20/10/2022	163,000	163,000		163,000			163,000	UBND xã Ia Rong	Dự án bổ sung trong năm sau khi cân đối được nguồn tăng thu ngân sách xã năm 2022 tại Quyết định số 194/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 để tránh nợ đọng XDDB; Thời điểm cấp KH vốn muộn nên không đủ thời gian thực hiện. Sau khi được tỉnh cho phép kéo dài mới thực hiện mở mã dự án, thực hiện và giải ngân theo Luật Đầu tư công năm 2019
II	Nguồn tiền sử dụng đất xã					433,345	433,345		433,345			433,345		
I	Huyện Đak Pơ					433,345	433,345		433,345			433,345		
1.1	Dự án: Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Hà Tam, huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai đến 2030.	Xã Hà Tam		2022	816/QĐ-UBND ngày 04/7/2022	199,345	199,345		199,345			199,345		Quá trình thực hiện lập đồ án đơn vị tư vấn gặp khó khăn do tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, kéo dài, phải liên tục thực hiện giãn cách xã hội thời điểm đầu năm 2022, đơn vị lập đồ án quy hoạch phải chỉnh sửa hồ sơ nhiều lần theo ý kiến của Hội đồng thẩm định huyện dẫn đến thời gian thực hiện công việc không kịp tiến độ.
1.2	Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Cư An, huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai đến năm 2030	Xã Cư An		2022	688/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của UBND huyện Đak Pơ	234,000	234,000		234,000			234,000		Quá trình thực hiện lập đồ án đơn vị tư vấn gặp khó khăn do tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, kéo dài, phải liên tục thực hiện giãn cách xã hội thời điểm đầu năm 2022, đơn vị lập đồ án quy hoạch phải chỉnh sửa hồ sơ nhiều lần theo ý kiến của Hội đồng thẩm định huyện dẫn đến thời gian thực hiện công việc không kịp tiến độ.



Biểu mẫu số 2

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN NĂM 2022 SANG NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 213/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô, năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Tổng vốn cần bố trí để hoàn thành dự án	Lũy kế đã bố trí vốn đến 31/12/2021	Kế hoạch vốn năm 2022 (1)	Khối lượng thực hiện từ 01/01/2022 đến 31/12/2022	Giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023 (2)	Vốn năm 2022 xin kéo dài sang năm 2023 tiếp tục thực hiện = (1) - (2)	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT								
	TỔNG SỐ					4.276.997,444	3.639.880,198	97.474,454	515.192,737	310.190,922	278.964,862	209.174,216		
A	Vốn ngân sách tỉnh đầu tư					1.917.335,908	1.310.160,193	87.496,000	256.712,000	163.614,582	132.175,964	95.319,380		
I	Vốn cân đối ngân sách tỉnh đầu tư					1.371.567,908	817.510,193	84.866,000	126.725,000	83.225,415	51.845,115	73.837,814		
1	Đường Lý Thường Kiệt (đoạn đường Lê Duẩn - đường Dương Minh Châu), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Pleiku	Xây dựng tuyến đường dài 3,1km; nền đường rộng 50m, chiều rộng mặt đường 24m, dải phân cách rộng 5m, vỉa hè rộng 21m; cầu BTCT dài 12m, rộng 50m; công trình thoát nước và hệ thống an toàn giao thông	2024-2026	396/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 2339/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	190.000,000	190.000,000		1.400,000			1.400,000	UBND thành phố Pleiku	Đề xuất kéo dài theo điểm d, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Vốn chuẩn bị đầu tư. Hiện nay chưa phê duyệt dự án; ngày 13/9/2022, trình Sở Xây dựng thẩm định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi; Sở Xây dựng có văn bản về việc hoàn thiện hồ sơ, đã tổ chức làm việc với các cơ quan liên quan ngày 25/10/2022 thống nhất các nội dung giải trình. Ngày 8/11/2022, UBND thành phố chính sửa hồ sơ, gửi Sở Xây dựng. Đã làm việc với Sở Xây dựng ngày 02/12/2022 để hoàn thiện hồ sơ. Đã có kết quả thẩm định bước nghiên cứu khả thi, trình UBND Tỉnh xem xét, phê duyệt ngày 29/12/2022
2	Đường nội thị thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai	An Khê	Đường Trần Quốc Toản L=2,2Km; Bn=20m; Bm=10,5m (kể cả dải rãnh), vỉa hè 9,5m. Đường Tôn Đức Thắng L=1,8Km; Bn=34m; Bm=14,5m, dải phân cách 2m, vỉa hè 17,5m. Hệ thống thoát nước, an toàn giao thông.	2024-2026	349/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 3098/QĐ-UBND ngày 24/8/2021	120.000,000	120.000,000		940,000	561,962	561,962	378,038	UBND thị xã An Khê	Đề xuất kéo dài theo điểm d, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Dự án chưa được phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi; li do Quy hoạch chung xây dựng thị xã được UBND tỉnh phê duyệt ngày 22/12/2022 nên cơ quan có thẩm quyền không kịp thẩm định để trình UBND tỉnh phê duyệt trong năm 2022.

28

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô, năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Tăng vốn cần bổ trí để hoàn thành dự án	Lũy kế đã bố trí vốn đến 31/12/2021	Kế hoạch vốn năm 2022 (1)	Khối lượng thực hiện từ 01/01/2022 đến 31/12/2022	Giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 (2)	Vốn năm 2022 xin kéo dài sang năm 2023 tiếp tục thực hiện = (1) - (2)	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT								
3	Đường nội thị thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Ayun Pa	Thông tuyến đường Nguyễn Huệ (đoạn từ Bệnh viện đến đường Vành đai 1 - giai đoạn 2) dài 843m; Bm=22,5m; Bm=7,5m; dải phân cách 2m; vỉa hè 13m. Đường quy hoạch từ ngã tư Ngô Quyền - Nguyễn Văn Trỗi đến đường Vành đai 1 dài 983m; Bm=30m; Bm=21m; vỉa hè 9m. Đường quy hoạch từ đường Vành đai 1 đến đường Ngô Quyền dài 948m; Bm=15,5m; Bm=7,5m; vỉa hè 8m. Hệ thống thoát nước	2022-2024	386/NQ-HUBND ngày 17/6/2021; 85/QĐ-UBND ngày 30/6/2021; 1090/QĐ-UBND ngày 08/12/2021	130.000,000	130.000,000	550,000	25.000,000	4.752,020	17.168,710	7.831,289	UBND thị xã Ayun Pa	Đề xuất kéo dài theo điểm d, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Đang hoàn thiện quy hoạch phân khu để tránh đường điện 110KV tuyến số 2 và chưa có Quyết định phê duyệt bảng giá đất để lập phương án bồi thường, GPMB làm ảnh hưởng đến kế hoạch giải ngân.
4	Đường liên xã phía Đông sông Ba, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai	Ia Pa	Tổng chiều dài tuyến L= 14.109,65m	2021-2023	494/QĐ-UBND tỉnh ngày 09/05/2021; 725/QĐ-UBND tỉnh ngày 22/11/2022	30.000,000	30.000,000	15.000,000	8.000,000	21.345,201	4.464,799	3.535,201	UBND huyện Ia Pa	Đề xuất kéo dài theo điểm d, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Tiến độ thực hiện dự án bị ảnh hưởng do vướng công tác đền bù, giải phóng mặt bằng thi công.
5	Đường nội thị huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai	Chư Sê	Xây dựng 04 tuyến đường nội thị trấn Chư Sê: Đường Đinh Tiên Hoàng L=1,8km; Bm=16m; Bm=7m; vỉa hè rộng 9m. Đường Trần Khánh Dư L=1,55km; Bm=24m; Bm=10,5m; vỉa hè rộng 13,5m. Đường Lê Duẩn L=0,56km; Bm=24m; Bm=10,5m; vỉa hè rộng 13,5m. Đường Âu Cơ L=0,42km; Bm=16m; Bm=7m; vỉa hè rộng 9m. Hệ thống thoát nước, an toàn giao thông	2024-2026	351/NQ-HUBND ngày 17/6/2021; 135/QĐ-UBND ngày 16/7/2021	120.000,000	120.000,000		820,000			820,000	UBND huyện Chư Sê	Đề xuất kéo dài theo điểm d, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Dự án đang hoàn thiện hồ sơ để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Dự án theo yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng để làm rõ kế hoạch sử dụng đất tiến quan đến đất lúa khu có công trình; nên vốn bố trí để giải ngân cho công tác chuẩn bị đầu tư cho dự án năm 2022 không giải ngân được.
6	Đầu tư xây dựng phục vụ quản lý bảo vệ rừng và phát triển vùng đệm Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng	Kbang		2022-2024	405/NQ-HUBND ngày 17/6/2021; 17/QĐ-KBT ngày 28/6/2021; 313/QĐ-UBND ngày 07/6/2022	45.000,000	45.000,000	1.340,000	15.000,000	1.293,000	1.775,281	13.224,718	Ban QL Khu BTTN Kon Chư Răng	Đề xuất kéo dài theo điểm d, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Do điều chỉnh Quy hoạch chi tiết phân khu trung tâm dịch vụ hành chính đến ngày 07/6/2022 mới phê duyệt dự án, Các dự án chậm tiến độ, không thanh toán hết vốn, xin kéo dài sang năm 2023 tiếp tục thực hiện.

Handwritten signature

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô, năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Tổng vốn cần bố trí để hoàn thành dự án	Lấy kế đã bố trí vốn đến 31/12/2021	Kế hoạch vốn năm 2022 (1)	Khối lượng thực hiện từ 01/01/2022 đến 31/12/2022	Giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023 (2)	Vốn năm 2022 xin kéo dài sang năm 2023 tiếp tục thực hiện = (1) - (2)	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT								
7	Đầu tư trang thiết bị đo lường, thử nghiệm trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng	Pleiku	Nhà đo lường thí nghiệm DTXD 181,4m2; nhà đất bình chuẩn hạng 1 DTXD 78,9m2; nhà xe ô tô, kho đất quả chuẩn DTXD 120m2; hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục phụ	2021-2022	301/NQ-HĐND ngày 25/02/2021; 495/QĐ-UBND ngày 29/5/2021; 1087/QĐ-UBND ngày 07/12/2021	20.000,000	20.000,000	5.000,000	15.000,000	9.358,801	9.358,801	5.641,199	Sở Khoa học và Công nghệ	Đề xuất kéo dài theo điểm c, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/ND-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. - Trong quá trình giải phóng mặt bằng gặp một số vướng mắc liên quan đến sự chồng lấn đất với đất của người dân, dẫn đến tiến độ thu hồi, giao đất bị chậm trễ do chưa giao mặt bằng cho nhà thầu thực hiện gói thầu xây lắp (Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 01/10/2022 của UBND tỉnh). - Một số máy móc thiết bị của dự án là thiết bị chuyên dụng, không có sẵn trên thị trường, phải đặt hàng sản xuất và phải nhập khẩu từ nước ngoài và đặc biệt chịu ảnh hưởng không nhỏ bởi việc sản xuất, vận chuyển chịu ảnh hưởng bởi vấn đề xung đột quân sự tại các nước Châu Âu (một số thiết bị được nhập khẩu từ Nga, Belarus,...). Vì vậy, hết năm 2022 một số máy móc thiết bị vẫn chưa kịp nhập khẩu về nước (còn 04 thiết bị chưa kịp nhập khẩu về Việt Nam).
8	Hoàn thiện, tăng cường tiềm lực về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị tại Khu thực nghiệm khoa học và công nghệ; xây dựng cơ sở vật chất bảo tồn quỹ gen	Pleiku	Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho hoạt động của Trung tâm bảo tồn quỹ gen; Đầu tư hoàn thiện máy móc, thiết bị còn thiếu cho Khu thực nghiệm khoa học và Công nghệ; Khu nhà bảo tồn gen và nuôi cấy mô 2 tầng DTXD 390,0m2; DTS 762,0m2.	2022-2023	423/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 109/QĐ-SKHCN ngày 30/6/2021; 1087/QĐ-UBND ngày 07/12/2021	20.000,000	20.000,000	280,000	10.000,000	5.206,867	5.206,867	4.793,133	Sở Khoa học và Công nghệ	Đề nghị kéo dài theo điểm c, khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/2020/ND-CP ngày 06/4/2020. Trong quá trình triển khai dự án, việc tổ chức triển khai gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là công tác tìm các đơn vị thẩm định giá kéo dài và thẩm định giá phải làm lại nhiều lần; quá trình triển khai các trình tự thủ tục về lập, thẩm tra, thẩm định hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở gặp phải sự biến động về giá... do đó công tác hoàn thiện hồ sơ pháp lý dự án của Sở Khoa học và Công nghệ kéo dài và phải điều chỉnh Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (đến ngày 25/10/2022 mới hoàn thiện hồ sơ để UBND tỉnh ban hành Quyết định điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch lựa chọn nhà thầu) và trên cơ sở đó, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện các gói thầu theo quy định. Từ đó đã ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ chung của dự án và trong đó có việc chậm giải ngân kinh phí đã được bố trí năm 2022.
9	Lập quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lê Thanh, tỉnh Gia Lai đến năm 2045	Đức Cơ		2022	479/QĐ-UBND ngày 04/8/2021	4.958,000	4.958,000		4.958,000	3.590,667	3.590,667	1.367,333	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai	Đề xuất kéo dài theo điểm c, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/ND-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. - Dự án theo quy định phải được Thủ tướng chính phủ phê duyệt vì vậy trong quá trình thực hiện cần có thời gian nghiên cứu và lấy ý kiến của các sở, ngành trong tỉnh và địa phương, đơn vị có diện tích đất nằm trong phạm vi quy hoạch nên việc triển khai hoàn thành cần có thời gian.

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô, năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Tổng vốn cần bố trí để hoàn thành dự án	Lũy kế đã bố trí vốn đến 31/12/2021	Kế hoạch vốn năm 2022 (1)	Khối lượng thực hiện từ 01/01/2022 đến 31/12/2022	Giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023 (2)	Vốn năm 2022 xin kéo dài sang năm 2023 tiếp tục thực hiện = (1) - (2)	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT								
10	Lập quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến 2050	Tỉnh Gia Lai		2020-2022	1015/QĐ-TTg ngày 14/7/2020; 1148/QĐ-UBND ngày 08/12/2020. 244/QĐ-UBND ngày 11/05/2022	71.257,908	57.792,193	29.860,000	27.923,000	27.923,000	524,130	27.398,869	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đề xuất kéo dài theo điểm c, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Thời gian lấy ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND cấp tỉnh các địa phương trong vùng và liên kết kéo dài gần 2,5 tháng, chậm so với quy định là 1,5 tháng theo quy định thời hạn lấy ý kiến 30 ngày. Dự án quy hoạch tỉnh được thực hiện trong năm 2023 là căn cứ vào: (1) Nghị quyết 152/NQ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ về ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển KT-XH và đảm bảo quốc phòng an ninh vùng tây Nguyên đến 2030, tầm nhìn đến năm 2045; (2) Văn bản 245/VPCP-QHĐP của Văn phòng Chính phủ ngày 13/01/2023 về trình phê duyệt quy hoạch cấp tỉnh. (Dự án chỉ được thực hiện và giải ngân số vốn được phép kéo dài sau khi được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian bố trí vốn sang năm 2023)
11	Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững VnSAT tỉnh Gia Lai	Huyện Chư Prông, Dak Đoa, Ia Grai, Đăk Cờ, Chư Pat, Mang Yang	Hợp phần C, D	2015-2022	1992/QĐ-BNN-HTQT ngày 29/5/15 và Quyết định điều chỉnh, bổ sung số 2470/QĐ-BNN-HTQT ngày 30/6/2022	192.852,000	43.260,000	32.836,000	10.424,000	8.481,931	8.481,931	900,000	Sở Nông nghiệp và PTNT	Đề xuất kéo dài theo điểm c, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Dự án đã kết thúc đầu tư, dự vốn 1.942 triệu đồng; và đề xuất kéo dài 900 triệu đồng để phục vụ cho công tác quyết toán dự án hoàn thành theo văn bản số 2848/BNN-TC ngày 09/5/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT v/v hướng dẫn công tác quyết toán hoàn thành và xử lý tài sản Dự án (Dự án chỉ được thực hiện và giải ngân số vốn được phép kéo dài sau khi được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian bố trí vốn sang năm 2023)
12	Dự án các dự án bảo vệ và Phát triển rừng	Gia Lai	Trồng rừng sản xuất theo QĐ 38/2016/QĐ-TTg 11.000ha; trồng rừng phòng hộ 850ha; chăm sóc rừng trồng sản xuất năm 2018,2019,2020 với 5.736ha, chăm sóc rừng trồng giai đoạn 2021-2024; làm đường lâm sinh 100km; hỗ trợ cấp chứng chỉ rừng bền vững 10.736ha.	2021-2024	Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 29/5/2021; Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 23/8/2021; Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	424.000,000	33.000,000		7.100,000	711,966	711,966	6.388,034	Sở Nông nghiệp và PTNT	Đề xuất kéo dài theo điểm d, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Do ảnh hưởng của thời tiết (mưa) nên tiến độ thi công không đảm bảo: tỷ lệ sống của cây do người dân trồng trong năm 2022 không đạt nên không giải ngân được vốn hỗ trợ cho dân theo quy định; trong năm 2022, chưa triển khai được hạng mục trồng rừng phòng hộ trong năm 2022 vì: (1) thời gian xây dựng hồ sơ kéo dài không đảm bảo thời vụ trồng rừng; (2) Đặc thù đối với trồng rừng là 01 năm trồng, 3 năm chăm sóc nên phê duyệt thiết kế dự toán phải đến năm 2025; (3) Nhà thầu phải chủ động cây giống trồng rừng ngay từ đầu năm (không thể thực hiện); (4) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là chủ đầu tư dự án trồng rừng, thực hiện trên diện tích đã được giao đất cho các chủ rừng là không có quy định và không có tiền lệ.

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô, năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Tổng vốn cần bố trí để hoàn thành dự án	Lấy kế đã bố trí vốn đến 31/12/2021	Kế hoạch vốn năm 2022 (1)	Khối lượng thực hiện từ 01/01/2022 đến 31/12/2022	Giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023 (2)	Vốn năm 2022 xin kéo dài sang năm 2023 tiếp tục thực hiện = (1) - (2)	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT								
13	Phòng trưng bày Không gian văn hóa công chúng Tây Nguyên tại Bảo tàng tỉnh	Pleiku	Cải tạo, chuyển đổi các phòng thành không gian riêng nhằm trưng bày không gian văn hóa công chúng Tây Nguyên 431m ² ; Cải tạo, hoàn thiện một số phòng chức năng khác và hoàn thiện hệ thống trang, thiết bị.	2025	410/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 269/QĐ-SVHTTDL ngày 24/8/2021	3.500,000	3.500,000	-	160,000			160,000	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Đề xuất kéo dài theo điểm đ, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Đang hoàn thiện hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật; nên chưa có khối lượng để giải ngân; vì trong quá trình lập hồ sơ dự án, do nguồn kinh phí cấp cho dự án hạn chế, nên ưu tiên tập trung công tác sửa chữa các hạng mục công trình hiện hữu, cải tạo một số phòng chức năng không sử dụng hết công suất để thành không gian trưng bày văn hóa công chúng; tuy nhiên, theo ý kiến đơn vị thẩm định cần phải hoàn thiện hệ thống phòng cháy chữa cháy.
II	Tiền sử dụng đất					51.650,000	51.650,000	-	5.447,000	4.142,047	4.142,047	1.304,952		
I	Xây dựng chốt chiến đấu dân quân thường trực các xã biên giới đất liền trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025	Chư Prông, Đúc Cơ, Ia Grai	Xây dựng mới 5 chốt và hoàn chỉnh 02 chốt dân quân thường trực	2022-2025	80/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 10180/QĐ-BCH ngày 15/12/2021; 603/QĐ-UBND ngày 04/10/2021	51.650,000	51.650,000		5.447,000	4.142,047	4.142,047	1.304,952	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	Đề xuất kéo dài theo điểm đ, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Do quá trình thẩm định phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng các chốt: Ia Chia/Ia Grai và Ia Pnôn/Đúc Cơ chậm; UBND tỉnh quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án đền bù chốt Ia Pnôn/Đúc Cơ (ngày 19/01/2023), chốt Ia Chia/Ia Grai (ngày 16/01/2023), nên Ủy ban nhân dân huyện Ia Grai và Đúc Cơ không đủ thời gian để hoàn chỉnh hồ sơ gửi về Bộ CHQS tỉnh để thẩm định chuyển Kho bạc Nhà nước chuyển kinh phí đến bù 02 chốt này trong năm 2022.
III	Vốn xố số kiến thiết					494.118,000	441.000,000	2.630,000	124.540,000	76.247,120	76.188,802	20.176,614		Theo báo cáo của Sở Tài chính tại văn bản số 171/STC-ĐT ngày 16/01/2023, các dự án được bố trí vốn từ nguồn xố số kiến thiết năm 2022 nhưng đến nay chưa có số thu (25.417.077.743 đồng) để giao theo kế hoạch vốn được UBND tỉnh phân bổ; theo quy định, số vốn huy tập này không được kéo dài, phải cắt giảm kế hoạch vốn do huy tập thu để bố trí lại trong kế hoạch năm 2023
I	Xây dựng mới và trang thiết bị y tế cho khối phụ - sản của Bệnh viện Nhi	Pleiku	Quy mô 200 giường bệnh	2024-2026	384/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 325/QĐ-UBND ngày 16/7/2021	200.000,000	200.000,000		1.900,000	950,000	950,000		Ban QL các DA ĐTXD tỉnh	Số vốn kế hoạch còn lại của dự án 950 triệu đồng (1.900-950) huy tập toán do huy tập.

TT	Đanh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô, năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Tăng vốn cần bổ trợ để hoàn thành dự án	Lấy kế đã bố trí vốn đến 31/12/2021	Kế hoạch vốn năm 2022 (1)	Khối lượng thực hiện từ 01/01/2022 đến 31/12/2022	Giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023 (2)	Vốn năm 2022 xin kéo dài sang năm 2023 tiếp tục thực hiện = (1) - (2)	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT								
2	Trung tâm y tế huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai	Đak Đoa	Khoa khám bệnh 02 tầng DTXD 500m ² ; DTS 1000m ² Khoa được 02 tầng DTXD 200m ² ; DTS 400m ² Các hạng mục phụ, trang thiết bị y tế, hệ thống xử lý chất thải y tế	2022-2023	380/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 277/QĐ-BQLDA ngày 25/6/2021; 1088/QĐ-UBND ngày 07/12/2021	20.000,000	20.000,000	560,000	11.610,000	10.000,000	10.000,000		Ban QL các DA ĐTXD tỉnh	Số vốn kế hoạch còn lại của dự án 1.610 triệu đồng (11.610 - 10.000) huy dự toán, do hụt thu.
3	Trung tâm y tế huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai	Mang Yang	Khoa ngoại sản 02 tầng DTXD 410m ² ; DTS 830m ² Khoa nội nhi nhiễm 02 tầng DTXD 480m ² ; DTS 960m ² Trang thiết bị y tế; Các hạng mục phụ	2022-2023	381/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 278/QĐ-BQLDA ngày 25/6/2021; 1015/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	20.000,000	20.000,000	560,000	19.440,000	15.080,000	15.080,000		Ban QL các DA ĐTXD tỉnh	Số vốn kế hoạch còn lại 4.360 triệu đồng (19.440 - 15.080) huy dự toán, do hụt thu.
4	Trường THPT Nguyễn Khuyến, thị xã An Khê (xây dựng mới)	An Khê	Nhà học hiệu bộ 2 tầng DTXD 300m ² DTS 612m ² ; Nhà học lý thuyết, nhà học bộ môn, thư viện 03 tầng DTXD 820m ² ; DTS 2.591m ² ; trang thiết bị và các hạng mục phụ.	2022-2023	371/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 280/QĐ-BQLDA ngày 25/6/2021; 1016/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	28.000,000	28.000,000	480,000	28.000,000	12.327,435	12.327,435	3.572,565	Ban QL các DA ĐTXD tỉnh	Đề xuất kéo dài theo điểm đ, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. - Số vốn đã nhập trên Tabmis còn lại chưa giải ngân, đề nghị kéo dài 3.572,565 tr.đ (15.900-12.327,435); Số vốn kế hoạch còn lại 12.100 tr.đ (28.000 - 15.900) huy dự toán do hụt thu. - Vốn cấp muộn (ngày 20/12/2022).
5	Trung tâm y tế thị xã Ayun Pa	Ayun Pa	Khu điều trị hồi sức trung tâm DTXD: 250m ² ; DT sân: 520 m ² ; Khu điều trị nội nhi DTXD: 480 m ² ; DT sân: 960 m ² ; Khu phòng mổ DTXD: 270 m ² ; DT sân: 550 m ² ; Cải tạo mở rộng khoa được DTXD: 340 m ² ; Hệ thống PCCC, tháo dỡ hiện trạng và các hạng mục phụ.	2022-2023	409/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 279/QĐ-BQLDA ngày 25/6/2021; 1086/QĐ-UBND ngày 07/12/2021	20.000,000	20.000,000	560,000	19.440,000	11.686,518	11.686,518	3.313,482	Ban QL các DA ĐTXD tỉnh	Đề xuất kéo dài theo điểm đ, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. - Số vốn đã cấp trên Tabmis còn lại chưa giải ngân và đề nghị kéo dài 3.313,482 triệu đồng (15.000 - 11.686,518); Số vốn kế hoạch còn lại 4.440 tr.đ (19.440 - 15.000) huy dự toán do hụt thu. - Vốn cấp muộn (ngày 20/12/2022).

Handwritten signature

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô, năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Tổng vốn cần bố trí để hoàn thành dự án	Lấy kế đã bố trí vốn đến 31/12/2021	Kế hoạch vốn năm 2022 (1)	Khối lượng thực hiện từ 01/01/2022 đến 31/12/2022	Giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023 (2)	Vốn năm 2022 xin kéo dài sang năm 2023 tiếp tục thực hiện = (1) - (2)	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT								
6	Trung tâm y tế huyện Kbang	Kbang	Quy mô 150 giường bệnh	2024-2026	418/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 246/QĐ-UBND ngày 19/7/2021	110.000,000	100.000,000		1.150,000	311,000	311,612	838,388	UBND Huyện Kbang	Đề xuất kéo dài theo điểm d, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Dự án đang trình điều chỉnh lại chủ trương đầu tư để phù hợp quy mô 150 giường bệnh; Vì quy mô đầu tư các hạng mục công trình chưa đầy đủ các khoa khám chữa bệnh đáp ứng theo TCVN 4470:2012 Bệnh viện Đa khoa - Tiêu chuẩn thiết kế, không phù hợp với chủ trương đầu tư được duyệt (tiêu chuẩn trong nghị quyết áp dụng cho xây dựng bệnh viện đa khoa quy mô 500 giường; còn TCVN 4470:2021 áp dụng cho bệnh viện đa khoa quy mô 150 giường; x đối với bệnh viện đa khoa cấp huyện, dự án chưa được phê duyệt nên giải ngân không hết vốn kế hoạch năm 2022.
7	Đầu tư hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại tại Bệnh viện Đa Khoa tỉnh	Pleiku	Đầu tư xây dựng mới 02 hệ thống xử lý chất thải rắn y tế, công nghệ xử lý không đốt (vi sóng). Công suất mỗi hệ thống 45-50kg/giờ	2022-2023	419/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 156/QĐ-SKHBT ngày 30/6/2021; 1047/QĐ-UBND ngày 24/11/2021	24.000,000	24.000,000	270,000	24.000,000	20.942,495	20.942,495	300,000	Ban QL các DA ĐTXD tỉnh	Đề xuất kéo dài theo điểm d, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Xin kéo dài để thực hiện cấp giấy phép môi trường; do đang chờ xin ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
8	Xây dựng hệ thống E-learning (học trực tuyến)	Pleiku	Trang bị 08 phòng học đa phương tiện; 08 phòng học trực tuyến, hội nghị truyền hình; trang bị hệ thống phần mềm E-learning, đào tạo trực tuyến, kho học liệu bài học, bài giảng	2022-2023	358/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 159/QĐ-SKHBT ngày 30/6/2021; 1095/QĐ-UBND ngày 08/12/2021	29.000,000	29.000,000	200,000	4.300,000	2.280,000	2.221,070	121,851	Sở Giáo dục và Đào tạo	Đề xuất kéo dài theo điểm d, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. - Số vốn đã cấp trên tabmis còn lại chưa giải ngân và đề nghị kéo dài là 121,851 triệu đồng; Số vốn kế hoạch còn lại 1.957,077 triệu đồng (4.300 - 2.342,922) huy dự toán, do hụt thu. - Do tình hình kiểm toán, thanh tra, điều tra các dự án trên toàn quốc, các hãng sản xuất, đơn vị phân phối sản phẩm không hợp tác cung cấp hồ sơ cho đơn vị Thẩm định giá để ra kết quả Chứng thư xây dựng dự toán dẫn đến thời gian kéo dài; thiết bị hội nghị truyền hình của hãng Cisco và âm thanh Forestar bị tạm ngưng nhập khẩu do dịp cuối năm, các hãng nước ngoài đang nghỉ Lễ giáng sinh và Tết dương lịch không làm việc để chuyển hàng hóa về Việt Nam, đơn vị không thể rút ngân được thời gian thực hiện, hoàn thành khối lượng, tiến độ của dự án trong năm 2022.
9	Vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới					43.118,000	-	-	14.700,000	2.669,672	2.669,672	12.030,328		Đã phân cấp giao về cho ngân sách cấp huyện quản lý, theo dõi.

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô, năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Tổng vốn cần bố trí để hoàn thành dự án	Lũy kế đã bố trí vốn đến 31/12/2021	Kế hoạch vốn năm 2022 (1)	Khối lượng thực hiện từ 01/01/2022 đến 31/12/2022	Giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023 (2)	Vốn năm 2022 xin kéo dài sang năm 2023 tiếp tục thực hiện = (1) - (2)	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT								
9.1	Hỗ trợ ngân sách tỉnh cho các huyện phân đầu đạt chuẩn nông thôn mới - huyện Đắk Pơ	Đắk Pơ				6.618,000			6.618,000			6.618,000	UBND Huyện Đắk Pơ	Đề xuất kéo dài theo điểm c, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Lý do: Tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết 69/2022/QH15 ngày 18/11/2022 của Quốc hội đã quy định "Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư và sự nghiệp của ngân sách trung ương trong năm 2022 (bao gồm cả kế hoạch năm 2021 đã được kéo dài sang năm 2022) của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia đến ngày 31 tháng 12 năm 2023". Vì vậy, đối với nguồn vốn xã số kiến thiết (ngân sách tỉnh) năm 2022 bố trí để đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới chưa giải ngân hết cũng đề xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 để đảm bảo thống nhất, đồng bộ và tuân thủ quy định tại Nghị quyết 69/2022/QH15.
9.2	Đường liên xã từ làng Bngai xã Kông Long Khong đi thôn 3 (thôn 5 cũ) xã Đắk Hlơ	Khang		2022-2023	21/QĐ-UBND ngày 30/8/2022	36.500,000			8.082,000	2.669,672	2.669,672	5.412,328	UBND Huyện Khang	Đề xuất kéo dài theo điểm d, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Ngày 14/11/2022 mới được giao vốn; ngày 22/11/2022, khởi công dự án; gặp điều kiện thời tiết bất lợi nên không thể hoàn thành 80% giá trị hợp đồng; trong năm, giải ngân hết số vốn 2021 kéo dài sang năm 2022 (21.929,216 triệu đồng) và xin kéo dài 5.412,328 triệu đồng kế hoạch vốn năm 2022; đồng thời, đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới còn lại chưa giải ngân hết đề xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 để đảm bảo thống nhất, đồng bộ và tuân thủ quy định tại khoản 2, Điều 2, Nghị quyết số 69/2022/QH15 ngày 18/11/2022 của Quốc hội.
B	Vốn ngân sách tỉnh phân cấp đầu tư					2.308.960,002	2.283.619,308	6.778,454	233.104,615	140.649,043	140.361,682	92.243,012		
I	Vốn cân đối theo tiêu chí					56.570,000	56.150,000	6.688,610	20.026,675	14.151,280	15.808,863	4.217,812		
I	Thị xã An Khê					27.600,000	27.600,000	2.373,610	7.456,675	4.328,058	6.012,411	1.444,264		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô, năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Tổng vốn cần bố trí để hoàn thành dự án	Lấy kế đã bố trí vốn đến 31/12/2021	Kế hoạch vốn năm 2022 (1)	Khối lượng thực hiện từ 01/01/2022 đến 31/12/2022	Giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023 (2)	Vốn năm 2022 xin kéo dài sang năm 2023 tiếp tục thực hiện = (1) - (2)	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT								
1.1	Hà tầng giao thông khu đô thị An Tân; Hàng mục: Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	TX An Khê	05 tuyến đường L=1.445m; mặt đường bê tông nhựa, thoát nước ngang công hợp; thoát nước dọc mương xây đá dầy đan BTCT; bó via đan rãnh BTXM	2021-2023	4714/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	17.500,000	17.500,000	2.273,610	5.400,000	3.538,963	4.341,324	1.058,676	Ban quản lý ĐTXD thị xã	Đề xuất kéo dài theo điểm đ, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Dự án vướng mặt bằng nên không giải ngân hết kế hoạch vốn trong năm.
1.2	Đường Quy hoạch D3 khu trung tâm phường An Phước; Hàng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước	Phường An Phước	Chiều dài tuyến L=700m, Bm=10m, Bm=7m, mặt BTXM, hệ thống thoát nước	2022-2023	1348/QĐ-UBND ngày 13/6/2022	8.200,000	8.200,000	100,000	1.246,355	264,355	1.146,355	100,000	Ban quản lý ĐTXD thị xã	Đề xuất kéo dài theo điểm đ, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Dự án vướng mặt bằng nên không giải ngân hết kế hoạch vốn trong năm.
1.3	Xử lý dứt điểm ô nhiễm tại Bãi rác thị xã An Khê	Xã Song An	Thu hồi, mở rộng thêm 1,1 ha khu vực bãi rác; đào chôn lấp rác hiện hữu; xây dựng hệ thống thoát nước; trồng cây tạo cảnh quan	2022	1602/QĐ-UBND ngày 12/7/2022	1.900,000	1.900,000		810,320	524,732	524,732	285,588	Ban quản lý ĐTXD thị xã	Đề xuất kéo dài theo điểm đ, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng chậm dẫn đến tiến độ thi công chậm tiến độ. (Dự án bố trí 2 nguồn)
2	Thị xã Ayun Pa					500,000	500,000	-	500,000	139,800	176,410	323,590		
2.1	Cải tạo Hoa viên của thị xã trước Nhà thờ Giáo xứ Phú Bồn	Phường Đoàn Kết	Thiết bị tập thể dục; hệ thống điện chiếu sáng	2022	169/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	500,000	500,000		500,000	139,800	176,410	323,590	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã	Đề xuất kéo dài theo điểm c, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Nhà thờ Giáo xứ Phú Bồn và giáo dân chưa thống nhất bàn giao mặt bằng để triển khai thi công.
3	Huyện Đak Pơ					16.800,000	16.800,000	3.200,000	5.000,000	4.607,693	4.607,693	392,307		
3.1	Bảo trì, bảo dưỡng đường từ trung tâm xã Ya Hội đi làng Bung	Xã Ya Hội	Gia cố chống sạt lở, bảo trì, mở rộng mặt đường BTXM, Bm=5,5m, hệ thống thoát nước	2022-2023	334/QĐ-UBND ngày 25/3/2022	3.500,000	3.500,000		3.000,000	2.723,793	2.723,793	276,207	BQL DA ĐTXD	Đề xuất kéo dài theo điểm đ, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. - Do ảnh hưởng của bão số 4, 5, 6 và các cơn mưa lớn kéo dài.
3.2	Trường bán, thao trường huấn luyện	Xã An Thành	Nhà điều hành, hội trường, nhà ở, nhà ăn + bếp và các hạng mục phụ	2021-2023	836/QĐ-UBND ngày 14/5/2021; 331/QĐ-UBND ngày 25/3/2022	13.300,000	13.300,000	3.200,000	2.000,000	1.883,900	1.883,900	116,100	BCH QS huyện	Đề xuất kéo dài theo điểm đ, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. - Do thay đổi về chính sách nên phải xin chủ trương của Bộ Quốc phòng, đến ngày 09/12/2022 mới có Quyết định số 5221/QĐ-BQP Bộ trưởng Bộ Quốc phòng nên ảnh hưởng đến tiến độ công trình.
4	Huyện Mang Yang					3.070,000	2.650,000	20,000	2.630,000	2.630,000	2.566,612	63,388		

28

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô, năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Tổng vốn cần bố trí để hoàn thành dự án	Lũy kế đã bố trí vốn đến 31/12/2021	Kế hoạch vốn năm 2022 (1)	Khối lượng thực hiện từ 01/01/2022 đến 31/12/2022	Giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023 (2)	Vốn năm 2022 xin kéo dài sang năm 2023 tiếp tục thực hiện = (1) - (2)	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT								
4.1	Cải tạo, nâng cấp hội trường UBND huyện Mang Yang	TT Kon Dong	Cải tạo, nâng cấp hội trường; cải tạo nhà vệ sinh, khoan giếng, cải tạo công, hàng rào; xây mới 02 nhà chòi lục giác; mở rộng, nâng cấp sân bê tông, cải tạo bồn hoa cây cảnh và các trang thiết bị bên trong.	2022	29A/QĐ-UBND ngày 08/01/2022; 1979/QĐ-UBND ngày 27/9/2022	3.070,000	2.650,000	20,000	2.630,000	2.630,000	2.566,612	63,388	Văn phòng UBND huyện Mang Yang	Đề xuất kéo dài theo điểm c, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Dự án điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sau 30/9/2022 (Dự án được bố trí 3 nguồn vốn)
5	Huyện Phú Thiện					2.400,000	2.400,000	1.000,000	1.400,000	259,629	259,629	1.140,371		
5.1	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu bờ đông sông Ia Sol (Phía bắc Quốc lộ 25)	Thị trấn Phú Thiện	Quy hoạch chi tiết xây dựng (diện tích lập quy hoạch khoảng 67,18ha)	2021-2022	204a/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	1.250,000	1.250,000	500,000	750,000	159,683	159,683	590,317	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Phú Thiện	Đề xuất kéo dài theo điểm d, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Theo hợp đồng lập đồ án quy hoạch là 180 ngày (từ ngày 01/10/2021 đến hết ngày 29/3/2022); tuy nhiên, trong quá trình thực hiện lập đồ án đơn vị tư vấn gặp nhiều khó khăn do tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, kéo dài, phải liên tục thực hiện giãn cách xã hội, đồng thời từ đầu năm 2022 đến nay đơn vị lập đồ án quy hoạch phải chỉnh sửa hồ sơ nhiều lần theo ý kiến của Hội đồng thẩm định huyện dẫn đến thời gian thực hiện công việc kéo dài.
5.2	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu bờ đông sông Ia Sol (Phía nam Quốc lộ 25)	Thị trấn Phú Thiện	Quy hoạch chi tiết xây dựng (diện tích lập quy hoạch khoảng 59,17ha)	2021 - 2022	205a/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	1.150,000	1.150,000	500,000	650,000	99,946	99,946	550,054	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Phú Thiện	Đề xuất kéo dài theo điểm d, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Theo hợp đồng lập đồ án quy hoạch là 180 ngày (từ ngày 01/10/2021 đến hết ngày 29/3/2022); tuy nhiên, trong quá trình thực hiện lập đồ án đơn vị tư vấn gặp nhiều khó khăn do tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, kéo dài, phải liên tục thực hiện giãn cách xã hội, đồng thời từ đầu năm 2022 đến nay đơn vị lập đồ án quy hoạch phải chỉnh sửa hồ sơ nhiều lần theo ý kiến của Hội đồng thẩm định huyện dẫn đến thời gian thực hiện công việc kéo dài.
6	Huyện Chư Păh					700,000	700,000	-	700,000	-	-	700,000		
6.1	Quy hoạch chi tiết đất dự phòng, công trình công cộng, thương mại, dịch vụ khu vực phía Tây đường Phan Đình Phùng (núi dài), thị trấn Phú Hòa, huyện Chư Păh.	TT Phú Hòa, huyện Chư Păh	Quy mô quy hoạch 8ha. Tỷ lệ lập 1/500	2022	Số 3266/QĐ-UBND ngày 22/12/2021	700,000	700,000		700,000			700,000	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Đề xuất kéo dài theo điểm c, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Thời gian lập dự án cần phải lấy ý kiến của dân, ý kiến nhiều cấp, nhiều ngành nên chậm tiến độ.
7	Huyện Chư Păh					5.500,000	5.500,000	95,000	2.340,000	2.186,108	2.186,108	153,892		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô, năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Tổng vốn cần bố trí để hoàn thành dự án	Lũy kế đã bố trí vốn đến 31/12/2021	Kế hoạch vốn năm 2022 (1)	Khối lượng thực hiện từ 01/01/2022 đến 31/12/2022	Giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023 (2)	Vốn năm 2022 xin kéo dài sang năm 2023 tiếp tục thực hiện = (1) - (2)	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT								
7.1	Trường TH Lê Văn Tám	Xã Ia Hla	Nhà học 10 phòng và các hạng mục phụ	2022-2023	152/QĐ-UBND ngày 07/12/2021	5.500,000	5.500,000	95,000	2.340,000	2.186,108	2.186,108	153,892	BQL dự án ĐTXD huyện Chư Puh	Đề xuất kéo dài theo điểm d, khoản 1, điều 48, Nghị định 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Dự án hoàn thành năm 2023, đề xuất kéo dài để thanh toán khối lượng hoàn thành.
II	Tiền sử dụng đất, huyện, thị xã đầu tư					2.252.390,002	2.227.469,300	89,844	213.077,940	126.497,763	125.052,739	88.025,200		
I	Thành phố Pleiku					2.234.890,672	2.213.442,400	89,844	202.896,000	119.235,851	119.235,851	83.660,149		
1.1	Đường Quyết Tiến (đoạn đường Đồng Tiến - đường Sư Vạn Hạnh)	Pleiku	Chiều dài 431,02m. Nền đường 22m; Bề rộng mặt đường: 10,5m; vỉa hè rộng 11,5 m (kể cả bờ vỉa). Công trình phòng hộ; bờ vỉa, đan rào, công trình thoát nước; hạ tầng kỹ thuật phụ trợ và các hạng mục khác	2020-2023	76/NQ-HĐND ngày 17/7/2020; 1149/QĐ-UBND ngày 15/6/2021	111.588,000	111.088,000	89,844	98.171,000	58.376,059	58.376,059	39.794,941	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố	Đề xuất kéo dài theo điểm d, khoản 1, điều 48, Nghị định 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Tiến độ thực hiện dự án bị ảnh hưởng do vướng mặt bằng thi công.
1.2	Trường Tiểu học Nay Der	Pleiku	Xây dựng tại khu trung tâm đây phòng học 4 tầng 16 phòng, gồm: phòng học, các phòng học bộ môn và các hạng mục phụ khác.	2022-2023	96/NQ-HĐND ngày 13/08/2021; 4559/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	15.300,000	15.300,000		13.260,000	11.925,163	11.925,163	1.334,837	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố	Đề xuất kéo dài theo điểm d, khoản 1, điều 48, Nghị định 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Do ảnh hưởng thời tiết mưa bão, ảnh hưởng đến tiến độ thi công Dự án. Hết đồng thi công đến 18-4-2023. Đã thực hiện 85% khối lượng.
1.3	Đường nối từ đường Lê Thánh Tôn đến đường Trần Nhật Duật	Pleiku	Bồi thường, giải phóng mặt bằng với tổng diện tích thu hồi dự kiến khoảng 2.695m ² của 15 hộ gia đình, cá nhân. Hạ tầng kỹ thuật: Đường giao thông chiều dài khoảng 227,67m; rộng B=10,5m. Hệ thống thoát nước, hệ thống an toàn giao thông và các hạng mục phụ khác.	2022-2023	148/NQ-HĐND ngày 13/08/2021; 4903/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	13.789,272	12.000,000		12.000,000	871,609	871,609	11.128,391	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố	Đề xuất kéo dài theo điểm c, khoản 1, điều 48, Nghị định 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Tiến độ thực hiện dự án bị ảnh hưởng do vướng mặt bằng thi công.

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô, năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Tổng vốn cần bố trí để hoàn thành dự án	Lấy kế đã bố trí vốn đến 31/12/2021	Kế hoạch vốn năm 2022 (1)	Khối lượng thực hiện từ 01/01/2022 đến 31/12/2022	Giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023 (2)	Vốn năm 2022 xin kéo dài sang năm 2023 tiếp tục thực hiện = (1) - (2)	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT								
1.4	Dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư đường Nguyễn Văn Linh	Pleiku	Thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Xây dựng hạ tầng khu dân cư Nguyễn Văn Linh với diện tích 39,74 ha (trong đó đường Nguyễn Văn Linh: 10,35 ha, hạ tầng: 29,35 ha), bao gồm đầu tư các hạng mục sau: San nền: Cao độ san nền không chổ trong khu vực: 755-768m. Giao thông: Xây dựng 09 tuyến đường. Hoàn chỉnh hệ thống cấp điện, cấp - thoát nước. Đầu tư các hạng mục phụ khác nhằm phục vụ khu dân cư và tạo mỹ quan đô thị.	2022-2024	85/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	400.200,000	400.200,000		2.600,000			2.600,000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố	Đề xuất kéo dài theo điểm d, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Hiện nay khu vực thực hiện dự án đang lập quy hoạch phân khu làm cơ sở điều chỉnh quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư, vướng thủ tục ứng vốn để làm công tác giải phóng mặt bằng.
1.5	Trụ sở UBND -UBND Thành phố	Pleiku	Quy mô dự kiến 02-03 khối nhà, tổng diện tích xây dựng dự kiến: 7.500 m ² (Quy mô, diện tích xây dựng cụ thể được xác định sau khi thực hiện thi tuyển, tuyển chọn Phương án thiết kế kiến trúc công trình xây dựng).	2022-2023	76/NQ-HĐND ngày 17/7/2020	150.000,000	150.000,000		900,000	128,716	128,716	771,284	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố	Đề xuất kéo dài theo điểm d, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Thời gian thi tuyển và lấy ý kiến lựa chọn phương án kéo dài. Ngày 20/02/2023, UBND thành phố Pleiku mới ban hành Quyết định số 242/QĐ-UBND phê duyệt kết quả lựa chọn trong cuộc thi tuyển phương án kiến trúc công trình, đến nay Chủ đầu tư đang lập hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi vì vậy chậm giải ngân.
1.6	Công chào Biển Hồ	Pleiku	Công chào kết cấu lõi BTCT, ốp đá dày 18cm đục hoa văn điển hình và các hoa văn trang trí KT: 22,6m x 4m x 15,3m; Nhà bán vé, nhà bảo vệ, nhà bán sản vật địa phương, quầy giải khát, nhà bán ẩm phẩm: 07 cái 210m ² ; Tương ứng khác gỗ chân đế bằng đá, KT: 0,4m x 2m; Sân công lát đá bazan dày 5cm, lan can xếp đá khối khác hoa văn 0,4m x 0,6m x 1m x 70m; Hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống giám sát, có, hoa lá màu và các hạng mục khác.	2022-2023	177/NQ-HĐND ngày 13/08/2021; 432/QĐ-BQL ngày 14/10/2021	25.000,000	25.000,000		437,000			437,000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố	Đề xuất kéo dài theo điểm d, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Phương án thi tuyển chưa chính thức được chọn, vì vậy chưa có cơ sở triển khai các bước tiếp theo.

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô, năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Tổng vốn cần bố trí để hoàn thành dự án	Lấy kế đã bố trí vốn đến 31/12/2021	Kế hoạch vốn năm 2022 (1)	Khối lượng thực hiện từ 01/01/2022 đến 31/12/2022	Giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023 (2)	Vốn năm 2022 xin kéo dài sang năm 2023 tiếp tục thực hiện = (1) - (2)	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT								
1.7	Mở rộng đường Hoàng Văn Thu (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Hai Bà Trưng)	Pleiku	Chiều dài khoảng 457m; Trên cơ sở tận dụng mặt đường nhựa cũ rộng 10m, thiết kế tăng cường trên mặt đường cũ và cạp lề mở rộng hai bên đạt bề rộng mặt đường hoàn thiện Bm=14,5m (kể cả đan rãnh); Kết cấu mặt đường bằng bê tông nhựa; Bô vỉa và đan rãnh; Hệ thống thoát nước; Vía hè; An toàn giao thông; Di dời công trình hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục phụ khác.	2023-2024	254/NQ-HĐND ngày 20/7/2022	19.159,000			190,000			190,000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố	Đề xuất kéo dài theo điểm d, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/ND-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Vốn chuẩn bị đầu tư. Công trình thiết kế 2 bước, thực hiện các thủ tục ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân dự án, thời gian thẩm định dự án đầu tư kéo dài, ngày 17/12/2022 phê duyệt dự án đầu tư tuy nhiên vẫn chưa đủ điều kiện giải ngân.
1.8	Bồi thường, hỗ trợ tái định cư Khu dân cư đường Nguyễn Văn Linh, thành phố Pleiku.	Pleiku	Bồi thường, GPMB. Diện tích đất dự kiến thu hồi 397.400 m2 (39,74 ha) của 778 hộ gia đình, cá nhân và 06 tổ chức	2021-2026	581/QĐ-UBND ngày 02/11/2022 của UBND tỉnh Gia Lai	1.499.854,400	1.499.854,400		75.338,000	47.934,304	47.934,304	27.403,696	TT phát triển quỹ đất	Đề xuất kéo dài theo điểm b, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/ND-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. UBND TP phê duyệt phương án bồi thường đợt 2 từ tháng 8/2022 và đã trình ứng quỹ. Tuy nhiên đến tháng 12 vẫn chưa được ban hành quyết định ứng vốn. Để kịp thời chi trả tiền bồi thường đợt 2, UBND TP đã bố trí 75.338 tỷ đồng để chi trả. Đến 19/12/2022 Hội đồng quản lý Quỹ PTD đã ban hành QĐ ứng vốn từ QPTE và TP đã sử dụng nguồn ứng quỹ để chi trả cho dân đợt 2 nên kế hoạch bố trí của TP chỉ sử dụng chi trả cho phương án đợt 3. Vì vậy số vốn còn dự dự kiến sẽ phê duyệt phương án tiếp theo và sử dụng hết vốn trong tháng 02/2023.
2	Thị xã An Khê					1.900,000	1.900,000	-	1.000,000	987,326	987,326	12,674		
2.1	Xử lý dứt điểm ô nhiễm tại Bãi rác thị xã An Khê	Xã Song An	Thu hồi, mở rộng thêm 1,1ha khu vực bãi rác; đào chôn lấp rác hiện hữu; xây dựng hệ thống thoát nước; trồng cây tạo cảnh quan	2022	1602/QĐ-UBND ngày 12/7/2022	1.900,000	1.900,000		1.000,000	987,326	987,326	12,674	Ban quản lý ĐTXD thị xã	Đề xuất kéo dài theo điểm d, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/ND-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng chậm dẫn đến tiến độ thi công chậm tiến độ. (dự án bố trí 2 nguồn)
3	Thị xã Ayun Pa					4.725,000	4.302,570	-	4.302,570	4.302,570	2.877,546	1.425,024		
3.1	Quy hoạch phân khu xây dựng Khu phía Tây phường Sông Bờ	Thị xã Ayun Pa	Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000	2022	175/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	1.350,000	1.249,570		1.249,570	1.249,570	827,324	422,246	Phòng Quản lý đô thị thị xã Ayun Pa	Đề xuất kéo dài theo điểm c, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/ND-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Sở Xây dựng chưa có ý kiến thống nhất nên chưa đủ cơ sở phê duyệt đồ án quy hoạch.

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô, năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Tổng vốn cần bố trí để hoàn thành dự án	Lấy kế đã bố trí vốn đến 31/12/2021	Kế hoạch vốn năm 2022 (1)	Khối lượng thực hiện từ 01/01/2022 đến 31/12/2022	Giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023 (2)	Vốn năm 2022 xin kéo dài sang năm 2023 tiếp tục thực hiện = (1) - (2)	Chức danh tư	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT								
3.2	Quy hoạch phân khu xây dựng Khu dân cư Hòa Bình - Đoàn Kết - Chu Bành	Thị xã Ayun Pa	Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000	2022	176/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	1.740,000	1.574,000		1.574,000	1.574,000	1.076,761	497,239	Phòng Quản lý đô thị thị xã Ayun Pa	Đề xuất kéo dài theo điểm c, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Sở Xây dựng chưa có ý kiến thống nhất nên chưa đủ cơ sở phê duyệt đề án quy hoạch.
3.3	Quy hoạch phân khu xây dựng Khu dân cư liên phường Hòa Bình - Chèo Reo	Thị xã Ayun Pa	Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000	2022	177/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	1.635,000	1.479,000		1.479,000	1.479,000	973,461	505,539	Phòng Quản lý đô thị thị xã Ayun Pa	Đề xuất kéo dài theo điểm c, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Sở Xây dựng chưa có ý kiến thống nhất nên chưa đủ cơ sở phê duyệt đề án quy hoạch.
4	Huyện Mang Yang					3.070,000	20,000	-	20,000	20,000	-	20,000		
4.1	Cải tạo, nâng cấp hội trường UBND huyện Mang Yang	TT Kon Dong	Cải tạo, nâng cấp hội trường; cải tạo nhà vệ sinh, khoan giếng, cải tạo cổng, hàng rào; xây mới 02 nhà chòi lỵ gác; mở rộng, nâng cấp sân bê tông; cải tạo bồn hoa cây cảnh và các trang thiết bị bên trong.	2022	29A/QĐ-UBND ngày 08/01/2022; 1979/QĐ-UBND ngày 27/9/2022	3.070,000	20,000		20,000	20,000		20,000	Văn phòng UBND & UBND	Đề xuất kéo dài theo điểm c, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Dự án điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sau 30/9/2022. (Dự án được bố trí 3 nguồn vốn)
5	Huyện Kông Chro					4.015,330	4.015,330	-	3.475,770	1.952,016	1.952,016	1.523,753		
5.1	Đo đạc, chỉnh lý, lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính thực hiện đồng bộ với lập, chỉnh lý bản đồ địa chính và đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận trên địa bàn thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro tích hợp vào cơ sở dữ liệu địa chính toàn tỉnh Gia Lai	Thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro	Lưới địa chính; Đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính; Đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính; Đăng ký, cấp GCNQSDĐ, QSH nhà ở và TSK gắn liền với đất; Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính	2022-2023	1695/QĐ-UBND ngày 04/8/2022	4.015,330	4.015,330	-	3.475,770	1.952,016	1.952,016	1.523,753	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Kông Chro	Đề xuất kéo dài theo điểm d, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Để thực hiện xong phần đo đạc, chỉnh lý, lập bản đồ địa chính; đang tiến hành đối chiếu, rà soát với chủ sử dụng đất để tiến hành đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng gặp khó khăn trong việc tiến hành với chủ sử dụng đất và thời tiết mưa nhiều nên khó khăn trong quá trình kiểm tra thực địa với chủ sử dụng đất.
6	Huyện Ia Pa					3.789,000	3.789,000	-	1.383,600	-	-	1.383,600		

28

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô, năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Tổng vốn cần bố trí để hoàn thành dự án	Lũy kế đã bố trí vốn đến 31/12/2021	Kế hoạch vốn năm 2022 (1)	Khối lượng thực hiện từ 01/01/2022 đến 31/12/2022	Giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023 (2)	Vốn năm 2022 xin kéo dài sang năm 2023 tiếp tục thực hiện = (1) - (2)	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT								
6.1	Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Thị trấn Ia Pa	Trung tâm huyện	Quy mô điều chỉnh quy hoạch: 1.500 ha, tỷ lệ 1/5.000	2021-2023	Số 68/NQ-HĐND ngày 15/7/2022; Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	3.789,000	3.789,000		1.383,600	-	-	1.383,600	Phòng KT&HT huyện	Đề xuất kéo dài theo điểm đ, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Trong quá trình thực hiện đồ án quy hoạch do vướng địa giới hành chính mở rộng sang các xã lân cận (Kim Tân; Ia Mrom; Ia Dăm) để đảm bảo điều kiện thành lập thị trấn (quy định tại Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13; dự án chưa có đối chiếu kho bạc do chưa cấp dự toán cho đơn vị.
C	Vốn ngân sách cấp huyện, xã đầu tư					50.701,534	46.100,705	3.200,000	25.376,122	5.927,296	5.927,296	21.611,824		
I	Vốn tăng thu kết dư huyện, xã đầu tư (Ghi rõ Quyết định phân bổ vốn cho dự án) và các nguồn vốn khác					50.268,189	45.667,360	3.200,000	24.942,777	5.927,296	5.927,296	21.178,479		
I	Thành phố Pleiku					16.527,189	14.867,360	-	14.867,360	365,002	365,002	14.502,356		
1.1	Dự án: mua sắm trang bị cơ sở vật chất nhà làm việc mới xây dựng năm 2022	Xã An Phú	Hệ thống mạng nội bộ; Rèm màn, trang bị công cụ các phòng làm việc và Hội trường.	2022	QĐ số: 159/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	120,000	120,000	-	120,000	55,200	55,200	64,800	UBND xã An Phú	Đề xuất kéo dài theo điểm đ, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Dự án được bổ sung kế hoạch đầu tư từ nguồn tăng thu vào cuối năm 2022 nên không kịp giải ngân.
1.2	Mương thoát nước dọc hai bên đường + diện chiếu sáng Đường trước HT Nhà văn hóa Thôn I	Xã Trà Đa	Hoàn thiện mở rộng mặt đường láng nhựa 2 lớp TCN 3.0kg/m2. Đá 4x6 chèn đá dăm dày 12cm. Duy tu mặt đường cũ láng nhựa 2 lớp TCN 2,7 kg/m2. Mương bê tông đáy dạn, hồ ga, hồ thu, bó vỉa. Chiều dài toàn tuyến L=321.06m, vỉa dạn rãnh. Lắp đặt 9 bóng điện NLMT 400W	2022 - 2023	142/QĐ-UBND ngày 1/12/2022	1.432,117	1.288,905		1.288,905	25,775	25,775	1.263,130	Ban Quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia xã Trà Đa	Đề xuất kéo dài theo điểm c, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm 2022 nhưng thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ chưa không đảm bảo thời gian thi công và giải ngân trong năm 2022.

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô, năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Tổng vốn cần bố trí để hoàn thành dự án	Lấy kế đã bố trí vốn đến 31/12/2021	Kế hoạch vốn năm 2022 (1)	Khối lượng thực hiện từ 01/01/2022 đến 31/12/2022	Giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023 (2)	Vốn năm 2022 xin kéo dài sang năm 2023 tiếp tục thực hiện = (1) - (2)	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT								
1.3	Làm đường GTNT thôn 1 (Đường phía sau trường MN Ánh Dương)	Xã Trà Đa	Tổng chiều dài: L=229,16m. Mặt đường BTXM đá 2x4 M250 dày 16cm. Lớp giấy dầu, Nền đường lu lên tầng cường K=95 lên K=98. Hệ thống thoát nước: Mương, hố ga, hố thu, bô via đan rãnh bê tông đá 10x20 mác 200.	2022 - 2023	154/QĐ-UBND ngày 1/12/2022	992,000	892,800		892,800	17,977	17,977	874,823	Ban Quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia xã Trà Đa	Đề xuất kéo dài theo điểm c, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm 2022 nhưng thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ chậm không đảm bảo thời gian thi công và giải ngân trong năm 2022.
1.4	Mương 2 bên đường xuống chợ + trước chợ L (100+84)=284 m; Đường xuống chợ mỗi bên làm thêm 1,25 m; Bê tông trước chợ, Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng trong Chợ, Đường bên hông chợ.	Xã Trà Đa	Tuyến Đường: (Km0+00 -> m0+97,70): Mặt đường BTXM đá 2x4 M250 dày 16cm. Nền đường lu lên tầng cường K=95 lên K=98. Hệ thống thoát nước: Mương, hố ga, hố thu, bô via đan rãnh bê tông đá 10x20 mác 200. Via hè: Nền BTXM đá 1x2 M200 dày 10cm; Đèn móng đá 4x6 dày 10cm. Hệ thống chiếu sáng NLMT.	2022 - 2023	151/QĐ-UBND ngày 1/12/2022	749,000	674,100		674,100	13,107	13,107	660,993	Ban Quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia xã Trà Đa	Đề xuất kéo dài theo điểm c, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm 2022 nhưng thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ chậm không đảm bảo thời gian thi công và giải ngân trong năm 2022.
1.5	Mở rộng đường nhựa, đường bê tông, đuy tú; Làm hệ thống mương thoát nước dọc đường Thôn 2 (Tổ 4)	Xã Trà Đa	Tổng chiều dài tuyến đường: L=1304,97m. Mặt đường láng nhựa 2 lớp TCN 3.0kg/m ² .Đá 4x6 chèn đá dăm dày 12cm.Nền đường lu lên tầng cường K=95 lên K=98; Mặt đường BTXM đá 2x4 M250 dày 16cm. Lớp giấy dầu, Nền đường lu lên tầng cường K=95 lên K=98. Hệ thống thoát nước: Mương, hố ga, hố thu, bô via đan rãnh bê tông đá 10x20 mác 200.	2022 - 2023	141/QĐ-UBND ngày 1/12/2022	4.457,000	4.011,390		4.011,390	87,684	87,684	3.923,706	Ban Quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia xã Trà Đa	Đề xuất kéo dài theo điểm c, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm 2022 nhưng thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ chậm không đảm bảo thời gian thi công và giải ngân trong năm 2022.
1.6	Mở rộng, làm hệ thống mương thoát nước dọc đường Thôn 4 (Từ cổng chào đến hồ Thủy Lợi)	Xã Trà Đa	Tổng chiều dài tuyến đường: L=301,47m. Mặt đường BTXM đá 2x4 M250 dày 16cm. Lớp giấy dầu, Nền đường lu lên tầng cường K=95 lên K=98. Hệ thống thoát nước: Mương, hố ga, hố thu, bô via đan rãnh bê tông đá 10x20 mác 200.	2022 - 2023	153/QĐ-UBND ngày 1/12/2022	1.023,000	920,700		920,700	19,567	19,567	901,133	Ban Quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia xã Trà Đa	Đề xuất kéo dài theo điểm c, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm 2022 nhưng thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ chậm không đảm bảo thời gian thi công và giải ngân trong năm 2022.
1.7	Làm hệ thống điện chiếu sáng Thôn 2 (Đoạn từ nhà ông Hoạch đến nhà ông Hiếu)	Xã Trà Đa	26 Bông NLMT 400W	2022 - 2023	146/QĐ-UBND ngày 1/12/2022	73,000	36,500		36,500	-	-	36,500	Ban Quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia xã Trà Đa	Đề xuất kéo dài theo điểm c, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm 2022 nhưng thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ chậm không đảm bảo thời gian thi công và giải ngân trong năm 2022.

28

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô, năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Tổng vốn cần bố trí để hoàn thành dự án	Lũy kế đã bố trí vốn đến 31/12/2021	Kế hoạch vốn năm 2022 (1)	Khối lượng thực hiện từ 01/01/2022 đến 31/12/2022	Giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023 (2)	Vốn năm 2022 xin kéo dài sang năm 2023 tiếp tục thực hiện = (1) - (2)	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT								
1.8	Làm mương thoát nước dọc một bên đường, mở rộng đường tổ 1,2,3 thôn 1 mỗi bên 1,5 m (Đoạn từ Lý Thường Kiệt giáp công viên Phương Hoàng đến ngã 3 cuối thôn)	Xã Trà Đa	Chiều dài tuyến L=1230m. Mở rộng mặt đường BTXM đá 2x4 M250 dày 16cm. Lốp giấy dầu, Nền đường lu lên tầng cường K=95 lên K=98. Hệ thống thoát nước: Mương, hố ga, hố thu, bó vỉa đan rãnh bê tông đá 10x20 mác 200. Làm hệ thống mương dẫn dòng	2022 - 2023	150/QĐ-UBND ngày 1/12/2022	3.384,079	3.045,671		3.045,671	66,671	66,671	2.978,999	Ban Quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia xã Trà Đa	Đề xuất kéo dài theo điểm c, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm 2022 nhưng thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ chậm không đảm bảo thời gian thi công và giải ngân trong năm 2022.
1.9	Làm mương thoát nước dọc hai bên đường, Mở rộng mặt đường Thôn 4 (đường Tổ 2) L= 810m	Xã Trà Đa	Chiều dài tuyến : 819 m. Đường mở rộng : Mặt đường láng nhựa 2 lớp TCN 3.0kg/m2. Đá 4x6 chèn đá dăm dày 12cm. Nền đường lu lên tầng cường K=95 lên K=98; Mặt đường BTXM đá 2x4 M250 dày 16cm. Lốp giấy dầu, Nền đường lu lên tầng cường K=95 lên K=98. Hệ thống thoát nước: Mương, hố ga, hố thu, bó vỉa đan rãnh bê tông đá 10x20 mác 200.	2022 - 2023	152/QĐ-UBND ngày 1/12/2022	3.406,073	3.065,466		3.065,466	63,414	63,414	3.002,051	Ban Quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia xã Trà Đa	Đề xuất kéo dài theo điểm c, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm 2022 nhưng thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ chậm không đảm bảo thời gian thi công và giải ngân trong năm 2022.
1.10	Kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng các thôn	Xã Trà Đa	Thay thế bóng đèn Led 30W: 71 bộ	2022	145/QĐ-UBND ngày 1/12/2022	100,000	100,000		100,000	-		100,000	Ban Quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia xã Trà Đa	Đề xuất kéo dài theo điểm c, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm 2022 nhưng thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ chậm không đảm bảo thời gian thi công và giải ngân trong năm 2022.
1.11	Duy tu, mở rộng, làm hệ thống mương thoát nước, bắt điện chiếu sáng hẻm 46 Trần Văn Bình Thôn	Xã Trà Đa	Chiều dài tuyến : 172m. Mặt đường mở rộng láng nhựa 2 lớp TCN 3.0kg/m2. Đá 4x6 chèn đá dăm dày 12cm. Nền đường lu lên tầng cường K=95 lên K=98; Hệ thống thoát nước: Mương bê tông dầy đan , hố ga, hố thu, bó vỉa đan rãnh bê tông đá 10x20 mác 200. Lắp đặt hệ thống điện NLMT 400W	2022 - 2023	143/QĐ-UBND ngày 1/12/2022	790,920	711,828		711,828	15,607	15,607	696,221	Ban Quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia xã Trà Đa	Đề xuất kéo dài theo điểm c, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm 2022 nhưng thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ chậm không đảm bảo thời gian thi công và giải ngân trong năm 2022.
2	Thị xã An Khê					15.000,000	15.000,000	0,000	4.998,417	4.849,044	4.849,044	149,373		
2.1	Hệ thống điện chiếu sáng thị xã; Hàng mục: Lắp đặt điện chiếu sáng trên 07 tuyến đường nội thị	TX An Khê	Kéo dài 7.200m cáp ngầm chiếu sáng; lắp đặt trụ đèn bát giác và cần đèn, bóng chiếu sáng đèn led; tủ điều khiển và thiết bị đi kèm	2022-2024	5436/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	15.000,000	15.000,000		4.998,417	4.849,044	4.849,044	149,373	Ban quản lý ĐTXĐ thị xã	Đề xuất kéo dài theo điểm d, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Kế hoạch vốn còn dự sau khi lựa chọn nhà thầu các gói thầu thực hiện trong năm 2022; đề nghị chuyển nguồn sang năm 2023 tiếp tục thực hiện các gói thầu còn lại.
3	Thị xã Ayun Pa					3.341,000	400,000	-	400,000	194,100	194,100	205,900		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô, năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Tổng vốn cần bố trí để hoàn thành dự án	Lũy kế đã bố trí vốn đến 31/12/2021	Kế hoạch vốn năm 2022 (1)	Khối lượng thực hiện từ 01/01/2022 đến 31/12/2022	Giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023 (2)	Vốn năm 2022 xin kéo dài sang năm 2023 tiếp tục thực hiện = (1) - (2)	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT								
3.1	Đổi ứng ngân sách huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới					3.341,000	400,000	-	400,000	194,100	194,100	205,900	UBND các xã	Đề xuất kéo dài theo điểm c, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Đối ứng để thực hiện Chương trình MTQG NTM.
	Đường giao thông nông thôn Bón Hoành	Xã Ia Rbol	Chiều dài L= 173m. Mặt đường BTXM đá 2x4, mức 250; rộng 3m, dày 18 cm; nền đường rộng 4m	2022	59a/QĐ-UBND ngày 19/9/2022	187,400	21,876		21,876			21,876	UBND xã Ia Rbol	Các công trình chưa được triển khai thực hiện: Lí do: UBND tỉnh giao vốn 02 Chương trình MTQG chậm (đến ngày 19/7/2022 UBND tỉnh mới có quyết định giao vốn); thủ tục giao vốn của phải trình HĐND các cấp thông qua (cấp huyện, cấp xã); trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt dự án cần nhiều thời gian. Mặt khác, ngày 01/11/2022, UBND tỉnh mới ban hành Quyết định số 36/QĐ-UBND quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án đối với dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình MTQG. Đồng thời cuối năm, thời tiết ở thị xã Ayun Pa mưa nhiều nên chủ đầu tư chậm triển khai thi công.
	Đường giao thông nông thôn Bón Rung Ma Đuon	Xã Ia Rbol	Chiều dài L= 429m. Mặt đường BTXM đá 2x4, mức 250; rộng 3m, dày 18 cm; nền đường rộng 4m	2022	59b/QĐ-UBND ngày 19/9/2022	467,150	54,531		54,531			54,531	UBND xã Ia Rbol	
	Nhà văn hóa Bón Rung Ma Nhieu	Xã Ia Rbol	Nhà vệ sinh	2022	59c/QĐ-UBND ngày 19/9/2022	68,107	7,950		7,950			7,950	UBND xã Ia Rbol	
	Nhà văn hóa Bón Rung Ma Rai	Xã Ia Rbol	Nhà vệ sinh	2022	59d/QĐ-UBND ngày 19/9/2022	67,260	7,851		7,851			7,851	UBND xã Ia Rbol	
	Nhà văn hóa Bón Sar	Xã Ia Rbol	Nhà vệ sinh	2022	59e/QĐ-UBND ngày 19/9/2022	66,750	7,792		7,792			7,792	UBND xã Ia Rbol	
	Nhà văn hóa Bón Hoang 2	Xã Ia Sao	Cổng, hàng rào; nhà vệ sinh	2022	156/QĐ-UBND ngày 02/11/2022	672,360	78,467		78,467	49,921	49,921	28,546	UBND xã Ia Sao	Một số chi phí chưa kịp thanh toán trong năm (Hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án, quyết toán dự án hoàn thành)
	Nhà văn hóa Bón H' Liếp	Xã Ia Sao	Nhà vệ sinh, sân bê tông	2022	155/QĐ-UBND ngày 02/11/2022	184,306	21,533		21,533	13,708	13,708	7,825	UBND xã Ia Sao	Một số chi phí chưa kịp thanh toán trong năm (Hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án, quyết toán dự án hoàn thành)
	Đường giao thông nông thôn Bón Phu Ama Nher 1	Xã Ia Rô	Chiều dài L= 340m. Mặt đường BTXM đá 2x4, mức 250; rộng 3m, dày 18 cm; nền đường rộng 4m	2022	139/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	362,620	42,329		42,329	26,934	26,934	15,395	UBND xã Ia Rô	Một số chi phí chưa kịp thanh toán trong năm (Hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án, quyết toán dự án hoàn thành)
	Đường giao thông nông thôn Đúc Lập	Xã Ia Rô	Chiều dài L= 334,9m. Mặt đường BTXM đá 2x4, mức 250; rộng 3m, dày 18 cm; nền đường rộng 4m	2022	140/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	350,347	40,896		40,896	26,022	26,022	14,874	UBND xã Ia Rô	Một số chi phí chưa kịp thanh toán trong năm (Hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án, quyết toán dự án hoàn thành)
	Nhà văn hóa Bón Phu Ama Nher 1	Xã Ia Rô	Nhà vệ sinh	2022	137/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	70,200	8,195		8,195	5,215	5,215	2,980	UBND xã Ia Rô	Một số chi phí chưa kịp thanh toán trong năm (Hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án, quyết toán dự án hoàn thành)

Handwritten signature

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô, năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Tổng vốn cần bố trí để hoàn thành dự án	Lũy kế đã bố trí vốn đến 31/12/2021	Kế hoạch vốn năm 2022 (1)	Khối lượng thực hiện từ 01/01/2022 đến 31/12/2022	Giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023 (2)	Vốn năm 2022 xin kéo dài sang năm 2023 tiếp tục thực hiện = (1) - (2)	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT								
	Nhà văn hóa Bốn Jư Ma Nai	Xã Ia Rôô	Nhà vệ sinh	2022	138/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	73,500	8,580		8,580	5,460	5,460	3,120	UBND xã Ia Rôô	Một số chi phí chưa kịp thanh toán trong năm (Hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án, quyết toán dự án hoàn thành)
	Trường mẫu giáo Tuổi Thơ	Xã Chư Băh	Nhà bảo vệ; nhà kho; nhà nhân viên; nhà để xe và các hạng mục phụ	2022	33a/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	771,000	100,000		100,000	66,840	66,840	33,160	UBND xã Chư Băh	Một số chi phí chưa kịp thanh toán trong năm (Hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án, quyết toán dự án hoàn thành)
4	Huyện Đak Pơ					15,400,000	15,400,000	3,200,000	4,677,000	519,150	519,150	4,157,850		
4.1	Trường mẫu giáo Hòa Mi (điểm làng Bút)	Xã An Thành	Công trình cấp III, 01 tầng, 02 phòng học; các hạng mục phụ	2022-2023	332/QĐ-UBND ngày 25/3/2022	2.100,000	2.100,000		1.377,000	375,145	375,145	1.001,855	BQL DA DTXD	Đề xuất kéo dài theo điểm đ, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Do ảnh hưởng của bão số 4, 5, 6 và các cơn mưa lớn kéo dài.
4.2	Trường bán, thao trường huấn luyện	Xã An Thành	Nhà điều hành, hội trường, nhà ở, nhà ăn + bếp và các hạng mục phụ	2021-2023	836/QĐ-UBND ngày 14/5/2021; 331/QĐ-UBND ngày 25/3/2022	13.300,000	13.300,000	3.200,000	3.300,000	144,005	144,005	3.155,995	BCH QS huyện	Đề xuất kéo dài theo điểm đ, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Do thay đổi về chính sách nên phải xin chủ trương của Bộ Quốc phòng, đến ngày 09/12/2022 mới có Quyết định số 5221/QĐ-BQP Bộ trưởng Bộ Quốc phòng nên ảnh hưởng đến tiến độ công trình.
5	Huyện Chư Pưh					2,863,000	2,863,000		2,163,000			2,163,000		
5.1	Xây dựng hệ thống quản lý và giám sát camera giao thông huyện Chư Pưh	Huyện Chư Pưh	Thuê đường truyền internet 3 năm, đầu tư, lắp đặt thiết bị và hệ thống camera giao thông	2022	239/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	1.000,000	1.000,000		1.000,000			1.000,000	Công an huyện Chư Pưh	Đề xuất kéo dài theo điểm c, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Thời điểm giao vốn muộn ngày 21/12/2022; sau khi cân đối được nguồn tăng thu ngân sách năm 2022 mới cấp cho đơn vị thực hiện tại Quyết định số 121/QĐ-UBND để tránh nợ đọng XDDB; nên sau khi được tỉnh cho phép kéo dài huyện mới thực hiện mở mã dự án và cấp vốn cho đơn vị trên hệ thống tabmis.
5.2	Nghĩa trang nhân dân thị trấn Nhơn Hòa, huyện Chư Pưh	Thị trấn Nhơn Hòa	San ủi, giải phóng mặt bằng	2022-2023	89/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	1.700,000	1.700,000		1.000,000			1.000,000	Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện Chư Pưh	Đề xuất kéo dài theo điểm đ, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Một số hồ dân chưa chấp nhận phương án đền bù, GPMB sau khi tuyên truyền, vận động.

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô, năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Tổng vốn cần bố trí để hoàn thành dự án	Lấy kế đã bố trí vốn đến 31/12/2021	Kế hoạch vốn năm 2022 (1)	Khối lượng thực hiện từ 01/01/2022 đến 31/12/2022	Giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023 (2)	Vốn năm 2022 xin kéo dài sang năm 2023 tiếp tục thực hiện = (1) - (2)	Chức đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT								
5.3	Đường đi vào nghĩa trang nhân dân xã Ia Rong (đoạn nối tiếp)	Xã Ia Rong	Đường cấp IV, bề rộng nền đường Bn=5m, bề rộng mặt đường Bm= 3m	2022	194/QĐ-UBND ngày 20/10/2022	163,000	163,000		163,000			163,000	UBND xã Ia Rong	Đề xuất kéo dài theo điểm c, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Dự án bổ sung trong năm sau khi cần đối được nguồn ứng thu ngân sách xã năm 2022 tại Quyết định số 194/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 để tránh nợ đọng XDDB; Thời điểm cấp KH vốn muốn nên không đủ thời gian thực hiện. Sau khi được tỉnh cho phép kéo dài mới thực hiện mở mã dự án, thực hiện và giải ngân theo Luật Đầu tư công năm 2019
II	Nguồn tiền sử dụng đất xã					433,345	433,345		433,345			433,345		
I	Huyện Đak Pơ					433,345	433,345		433,345			433,345		
1.1	Dự án: Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Hà Tam, huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai đến 2030.	Xã Hà Tam		2022	816/QĐ-UBND ngày 04/7/2022	199,345	199,345		199,345			199,345		Đề xuất kéo dài theo điểm c, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Quá trình thực hiện lập đồ án đơn vị tư vấn gặp khó khăn do tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, kéo dài, phải liên tục thực hiện giãn cách xã hội thời điểm đầu năm 2022, đơn vị lập đồ án quy hoạch phải chỉnh sửa hồ sơ nhiều lần theo ý kiến của Hội đồng thẩm định huyện dẫn đến thời gian thực hiện công việc không kịp tiến độ.
1.2	Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Cư An, huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai đến năm 2030	Xã Cư An		2022	688/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của UBND huyện Đak Pơ	234,000	234,000		234,000			234,000		Đề xuất kéo dài theo điểm c, khoản 1, điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Quá trình thực hiện lập đồ án đơn vị tư vấn gặp khó khăn do tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, kéo dài, phải liên tục thực hiện giãn cách xã hội thời điểm đầu năm 2022, đơn vị lập đồ án quy hoạch phải chỉnh sửa hồ sơ nhiều lần theo ý kiến của Hội đồng thẩm định huyện dẫn đến thời gian thực hiện công việc không kịp tiến độ.

28